

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU
CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|--|-------------------------------------|
| — Giá thóc gạo | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Đạo sắc-lệnh mới về Hội-nghị
liên-bang | TÂN PHONG
PHAN ANH
HƯƠNG MINH |
| — Hiến-pháp Trung-hoa | |
| — Thắng Bơ (truyện ngắn) | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Tổ-chức hiện-thời của nền kinh-
tế Đông-Dương | THANH TUYỀN |
| — Quyền « Lãnh-sự tài-phần » của
Liệt-cường ở Trung hoa | L. H. V. |
| — Danh-văn ngoại-quốc: Phương-
pháp và kỹ-luật | NGUYỄN XIÊN |
| — Tính-cách tương-đối của Khoa-
học | NG. TRỌNG PHẤN |
| — Xã-hội Việt-nam từ thế-kỷ thứ
XVII. | VŨ BỘI LIÊU |
| — Rudyard Kipling nhằm: Đông và
Tây thật ra đã nhiều lần gặp nhau | TRẦN MAL NINH |
| — Bạn đọc viết: Sống đã, rồi viết văn | Đ. Đ. Đ. |
| — Việc quốc tế | |

ĐẠO SẮC LỆNH MỚI VỀ HỘI-NHỊ LIÊN-BANG

TÂN PHONG

Nhưng về những vấn đề ấy hay về sổ chi-thu, thuế khóa và công-thải, chính phủ không bắt buộc phải theo ý-kiến của Hội-nghị, vì hội-nghị không có quyền quyết-định.

Hàng năm toàn-thể hội-nghị họp ít nhất là một lần để xét sổ chi-thu và các ngân-sách đã thi-hành rồi; còn suốt năm thì chia ra từng tiểu-ban để làm việc — nghĩa là để phát-biểu ý-kiến mỗi khi chính-phủ hỏi đến.

Trên đây là tóm tắt những đặc-điểm của Hội-nghị liên-bang theo sắc-lệnh ngày 31 Mai 1943

Sắc-lệnh đã định rõ, quyền-hạn của hội-nghị. Ta không nên coi đây là một cơ-quan sẽ làm thay đổi được tình-thế khó khăn bấy giờ. Trong lúc này, chính-phủ vẫn giữ cả quyền-hành và nhận lấy hết trách-nhiệm để điều-khiển mọi việc. Hội-nghị liên-bang chỉ có thể là một cơ-quan giúp việc và cố-vấn của nhà-nước về nội-trị — nhất là để chuyển đạt lên tận thượng-tầng chính-phủ những điều mong mỏi của các giới trong xã-hội và những sự thật ở nơi đồng-ruộng mà các quan-chức cao-cấp thường khi chỉ trông thấy qua cái kính biến-hình của các công-sở.

Tuy vậy, nhiệm-vụ ấy trong lúc này không phải là nhỏ.

Nhưng tất cả sự khó khăn là chỗ lựa chọn những đại-biểu vào hội-nghị để tất cả những quyền-lợi đáng tôn-trọng đều được thay mặt một cách xứng-đáng với sự quan-trọng của nó.

Về phương-diện này sắc-lệnh 31 mai 1943 đã đặt nguyên tắc là sự chọn đại-biểu sẽ căn-cứ vào nghề nghiệp và địa-phương.

Nhưng ở xứ này, nếu có một số ít nghề đã sẵn tổ-chức — thí dụ như đại-thương-mại đã có sẵn các phòng thương-mại, đại-điền-chủ đã có sẵn các phòng canh-nông, và một vài nghề mới họp thành nghiệp-đoàn (groupements professionnels) còn biết bao nhiêu nghề chưa có dấu vết một sự tổ-chức nào.

Ta hãy lấy hai thí dụ là các tiểu-điền-chủ ở thôn-quê và các người tiểu-thụ ở thôn-quê và tỉnh thành; sự quan-trọng của họ về xã-hội chính-trị và kinh-tế không phải là nhỏ, mà hiện nay thì những phần tử trong mỗi hạng ấy không có giây liên-lạc gì với nhau cả. Làm thế nào để chọn đại-biểu cho những « lớp xã hội » ấy?

Đó là vấn đề khó khăn mà nhà cầm-quyền sẽ phải giải quyết trước khi thi-hành sắc-lệnh 31 mai 1943.

Vậy cũng quan-trọng bằng đạo sắc-lệnh ấy, là đạo nghị-định mà quan Toàn-quyền sẽ ban hành để định những cơ-quan được đề-cử đại-biểu vào hội-nghị liên-bang. Ta hãy đợi đạo nghị-định đó.

Khi đạo nghị-định định-đoạt những tiểu-tiết về sự thi-hành sắc-lệnh 31 mai 1943 đã ban hành, chúng tôi chắc việc đề-cử và chọn lọc đại-biểu sẽ là một việc được các cơ-quan có quyền và được nhà-nước coi là thận-trọng; vì đối với các hạng dân có quyền đề-cử thì những người đại-biểu ở Hội-nghị Liên-bang sẽ là những người thay mặt, nhiều khi độc-nhất, của họ ở bên chính-phủ; mà đối với chính-phủ thì hội-nghị liên-bang sẽ là một cơ-quan để trực-tiếp với tất cả sự hoạt-động trong xứ.

T. P.

Vì một lẽ riêng, bài « GIÁ THỐC GẠO » của Vũ-Đình-Hồ không đăng được.

CÒN hơn lúc bình-thời, trong thời-kỳ chiến-tranh dân-chúng cần có người thay mặt mình bên cạnh chính-phủ. những đại-biểu ấy có lịch để bày-tỏ với các vị thủ-lĩnh có trách-nhiệm sự nhu-cần, điều nguyên-vọng của mọi giai-cấp trong xã-hội và để bày-tỏ với các vị ấy cái ảnh-hưởng thiết-thực, cái kết-quả của chính sách đã đem thi-hành.

Sự cộng-ác ấy rất cần trong lúc này là lúc vì tình-thế bắt buộc luật-lệ ban-hành mỗi ngày một nhiều, . . . và các cơ-quan dư-luận cùng sự tự-do của cá-nhân, theo lệ chung, đều phải kiểm-soát một cách chặt-chẽ.

Vấn hay đề biêt rõ dân-tình, chính-phủ đã sẵn có bao nhiêu viên-chức cao, thấp, đặt khắp mọi nơi, mà trong đó cũng có những người có công-tâm và trí-thức. Nhưng người ta đã nghiệm thấy rằng ở nước nào cũng vậy, trong một công sở một tờ trình từ hạ-cấp gửi lên nhiều khi chỉ đi đến nửa chừng thì bị bỏ vào ngăn kéo rồi nằm đấy! Một đôi khi một sự thật có đưa lên tới vị thủ-lĩnh có trách-nhiệm thì đã bị thêm bớt, gọt rũa đến nỗi vị ấy không còn thấy rõ sự quan-trọng của nó nữa.

Vả chẳng công-sở là cơ-quan để thi-hành những huấn-lệnh do ở trên gửi xuống: việc thi-hành ấy chiếm gần hết thì-giờ của các viên-chức không còn để cho họ có trí-nghĩ đến sự thay mặt dân ở gần các cơ-quan cao-cấp.

Vì thế công-việc của quốc-gia càng nhiều bao nhiêu, quyền-hành của chính-phủ càng to bao nhiêu thì sự trực-tiếp giữa các vị thủ-lĩnh và quốc-dân càng cần bấy nhiêu. Sự trực-tiếp ấy gây một sự hiểu-biết, một luồng tin-nhiệm nếu không có thì một quyền-hành mạnh có thể thành một quyền-hành chuyển chế, một chính-sách hợp-thời, hợp-lý cũng sẽ bị thất-bại vì những điều sai-lạc cởn cón.

Chúng tôi thấy công-dụng của Hội-nghị Liên-bang do sắc-lệnh 31 Mai 1943 đặt ra là ở chỗ đó: Hội-nghị ấy phải là một cơ-quan làm mối-giới giữa chính-phủ Đông-Dương và các giai-cấp Pháp Nam trong xã-hội.

Chúng tôi mong rồi sẽ có những cơ-quan mối-giới như thế ở bên cạnh các quan thủ hiến từng xứ.

Theo sắc-lệnh ngày 31 Mai 1943, Hội-nghị Liên-bang sẽ lập ở Đông-Dương để thay đại Hội-nggị kinh-tế ngày trước, sẽ có 23 đại-biểu người Pháp và 30 đại-biểu người bản-xứ (trong đó có 24 đại-biểu Việt Nam) chia ra như sau này:

Nam-kỳ; 8 người Pháp, 8 người Nam.

Trung-kỳ; 4 người Pháp, 7 người Nam.

Bắc-kỳ; 7 người Pháp, 9 người Nam.

Cao-mên, 3 người Pháp, 4 người Mên.

Lào, 1 người Pháp, 1 người Lào.

Sự chọn đại-biểu sẽ căn-cứ vào nghề-nghiệp. Các nhà canh-nông kỹ-nghệ, thương-mại, các người làm công thương-mại và kỹ-nghệ, các nghề Tự-do (thầy thuốc, luật-su, làm báo v. v.) và cả các cơ-quan tiêu-cách văn-hóa hay xã-hội, các hội thay mặt những gia-đình đông con, mỗi hạng được đề-cử một bằng tên trong đó quan Toàn-quyền Đông-Dương sẽ chọn người để làm đại-biểu cho họ trong hội-nghị.

Hội-nghị Liên-bang sẽ chỉ là một cơ-quan cố-vấn... Hàng năm Quan Toàn-quyền sẽ phải hỏi ý-kiến hội-nghị về sổ chi-thu (ngân-sách), về thuế-khoá, về các cuộc công-thải. Ngoài ra chính-phủ có quyền hỏi ý-kiến hội-nghị về những vấn-đề khác, nhưng không phải là bắt buộc.

Với những đặc-diểm kể trên, ở chế độ quân chủ chuyên chế, nếu gặp được một vị minh quân, thì sự chuyên chế không đến nỗi khê khát,

Và chẳng chế độ quân chủ tầu xưa cũng chỉ chuyên-chế về phương diện tinh-thần và chính trị mà thôi : còn về kinh-tế thì chính-phủ rất ít can thiệp,

Ở bên thái Tây, như ở Pháp, ngay từ thời đại phong-kiến, mà nhất là về thời đại quân-chủ thịnh hành, kỹ nghệ và thương mại đều lập thành đoàn-thể có tổ chức có quy lệ nhất định — Chính-phủ luôn luôn can thiệp. Mầu hàng, giá hàng, phẩm hàng đều ấn định sẵn, tư gia phải tuân theo ; Đó là nói về thành-thị. Còn ở nông-thôn thì dân số và điền thổ cũng có sổ sách ghi chép phân minh để cho chính-phủ can cứ vào mà thu thuế.

Ở Trung quốc khang hân — Chính phủ can thiệp rất nhiều về luân lý, chính-trị, nhưng rất ít về kinh-tế ; bất cứ về nông nghiệp hay công thương, mỗi cá nhân, mỗi gia đình đều được hoàn toàn tự do không có ai kiểm sát — Lễ tất nhiên cũng có những đoàn thể : nhưng chỉ là đoàn thể trang trọng mà thôi, còn về nghề-nghiệp, thì đoàn-thể chỉ có *tục* chứ không có lệ gì bó buộc Dân số, địa-lợi, hành-phủ không để ý tới, dĩ chí đến bây giờ, tuy các sách đều chép số dân Trung quốc có 400 triệu, nhưng sự thật là bao nhiêu, cũng chưa ai giải quyết được.

Cũng bởi chính-phủ không lưu tâm đến kinh-tế, nên cơ quan giao thông cũng rất sơ sài : trạm ngựa xưa chỉ để chạy công-văn, đường hay sông chỉ để về việc binh, một dân tộc có công và có tài đáp được Vạn lý Tràng Thành có phải là không thể dựng được những công-tác lớn lao đâu ! chẳng qua là vì người cầm quyền không can thiệp đến kinh-tế của quốc-gia.

Với chế độ ấy, muốn *bảo thủ* thì dễ nhưng muốn *cải tạo* thì rất khó. Là vì muốn cải tạo thì chính-phủ phải *can-thiệp*, mà muốn can

thiệp có *hiệu-lực*, thì phải có sẵn tập-quán, sẵn cơ-sở, không thể nhất đán mà tổ chức được những cơ quan có thể áp dụng vào công việc hướng đạo nhân dân về kinh-tế.

Về *chính-trị* thì *chuyên-chế về kinh-tế* thì *bất lực*, đó là tính cách nền quân-chủ Trung Hoa cuối thế kỷ 19.

Song văn minh Âu-mỹ tràn sang Đông, Á, Trung-quốc không thể đóng cửa được mãi —

Nếu không cải tạo thì sẽ bị tiêu diệt, ai ai cũng biết thế.

Triều Thanh cũng rất muốn cải tạo, nhưng chính-thể quân-chủ với hai tính cách kể trên không thể áp dụng vào sự cải-tạo được. *Chuyên chế* và *bất lực* là hai sự mâu-thuẫn ; Phải đủ tài lực mà xử sự thì mới chuyên-chế được, nếu bất lực thì phải đổ mà nhường chỗ cho một chế-độ khác : Vì thế mà có cuộc cách mệnh đã đảo Thanh triều.

P. A.

KỲ SAU :

cuộc cách mệnh Tân Hợi
và hiến-Pháp hiện hành.

DANH-TỪ

▪ KHOA HỌC ▪

≡ HOÀNG XUÂN HÂN ≡

GIÁ : 4\$00 CƯỚC : 0\$47

Thơ và ngân phiếu gửi về :

PHARMACIE NEYRET

47, Phố Trường Thi — Hanoi

Thông-chế Pétain đã nói :

« *Hỡi các bạn thân quý, hãy đuổi sự ngờ vực ra khỏi cõi lòng, và bỏ những lời phi-bang chua chat. Hãy nghĩ đến vị Quốc Trưởng yêu mến chúng ta, vì chúng ta mà vẫn đứng vững trước cơn giông tố.* »

TẠI sao tên nó lại là Bơ? Thoạt nghe tên ấy, tôi nghĩ liền đến cái ống bơ, và thấy nó là đồ ngớ-ngẩn, nhưng có lẽ chính vì thế mà tôi lại thích, vì tôi coi đó là dấu-hiệu sự chất-phác và đơn-giản của óc những người miền bể. Tôi càng thích hơn, khi tôi trông thấy thẳng Bơ. Và tôi bắt đầu mến nó ngay.

Vậy mà thẳng Bơ chẳng phải là một đứa trẻ đẹp dễ gì. Trái lại, về người nó còn cách xa cái mực dễ coi. Nó trạc độ mười lăm hay mười sáu tuổi, nhưng người nó nhỏ, như bị bóp lại vì dạn dầy mưa nắng. Bụng nó tròn như bụng cóc, đầu nó lồm-chồm những sợi tóc bần như cái chổi lúa cùn. Mặt nó ngăm, mũi nó huếch, gò má đỏ cáo, đôi mắt ti-hi, và cái mồm nguếch-nguác. Mà tất cả các thứ ấy, trời ơi, lem-luốc không thể nào hơn được! Khắp người nó da đen thui-thúi vì rạm nắng và vị đất cát. Tuy nó sống liền ngay bề mà người ta có thể tưởng nó không tắm bao giờ. Sự thực, nó cũng có tắm, một đôi khi, nhưng sau đó tôi vẫn không thấy người nó sạch hơn. Vì bề chỗ nào nó cũng ngồi lê-la được, nó lăn mình trên mặt đất như trên cái đệm thường của nó và một hôm, thấy tôi ngạc-nhiên, nó lại cười khoe-khách mà vốc cát xoa vào người, phủ lên mặt, làm cho tôi kinh-dị. Hình như nó muốn bảo tôi: « Làm chi lắm kiêu-cách thế? Hãy trông tôi đây: tôi sống tự-nhiên. Tôi là con lợn thực đấy, nhưng con lợn sung-sướng trên đồng rạc, không hẳn đã là đáng bỉ như người ta nói? »

Chính cái triết-lý thực-hành ấy và cái cười ròn-rã của thẳng Bơ đã đoạt hết mọi nỗi e-dè của tôi. Tôi yêu nó vậy và không thấy cần phải hỏi mình bởi tại sao. Tôi phục về hồn nhiên, cũng như tôi thêm cái vui sướng chân-thật trong tiếng cười của nó, tiếng cười vô-tư-lự, không màu-mè, nổi lên bất cứ bởi đâu, làm cho ai mới gặp cũng phải lưu-ý rồi thấy nó là ngộ-pghĩnh.

Tôi quen nó, vì hôm mới đến Sầm-sơn tôi muốn có một cái ống bơ làm phao, để mang ra bể tập bơi. Người ta bèn giới-thiệu với tôi thẳng Bơ, là đứa trẻ có thể kiếm tất cả mọi thứ cho vừa lòng tất cả mọi người.

Mà thực, chỉ mấy ngày sau tôi đã có nhiều dịp phạm thấy lời giới-thiệu ấy không phải là ngoa.

T H À N G B Ơ

== HƯƠNG MINH ==

Tôi ở trọ nhà bác cả Khuê một cái nhà gianh rất lâu thường, nhưng rộng-rãi, mát-mię ở ngay đầu lối vào rừng Thông. Khách-trợ, trừ tôi, còn có nhiều người ở riêng từng buồng: ông Phan Thông, bà Chu-Hòa, bà Lợi-Thanh với gia-đình họ, và vài người học-trợ nữa. Ông phân làm việc ở sở Kho-bạc Hà-nội; bà Chi-hòa buồn nằng tơi tụa và bà Lợi khanh, chỉ một hiệu giấy, cũng là người Hà-nội cả. Ba người đều là khách quen của bác cả Khuê, năm nào cũng có mặt ở Sầm-sơn, năm nào cũng ở nhà ấy và năm nào cũng chiếm gian buồng ấy. Họ đi nghỉ mát với con gái hay cậu gái họ, mang theo cả đày tớ và chầu màn, hòn đèn, đồ ăn, thức dùng, không thiếu thứ chi. Mỗi năm họ đến một hay hai tháng rồi họ lại đi với đủ những hành trang ấy, không bao giờ suy-suyển, không bao giờ thay đổi, đến nỗi khắp người nhà bác cả Khuê đều thuộc lòng thứ nào của ai, cũng như họ thuộc tính nết từng người để mà chiều,

chuông. Vì sự cố-thu do nên họ nói to, gọi lớn-ra vào ung-dụng đường-bệ, và họ nhìn những người mới đến thoạt bằng một vẻ nghi-ky, rồi sau đôi ra về khoan dung hay che chở, vì họ tự coi mình như có nhiều quyền hơn người khác trong nhà trọ.

Ái nấy trong cái xã-hội nhỏ ấy đều ưa thẳng Bơ và ai cũng ăn ông nói với nó một câu thân-mật, khi cần đến nó. Tuy chỉ là cái thân mật xa vời của người sang-trọng hạ-cổ tới kẻ nghèo hèn, như một thứ trung-sức không mất tiền mua làm tôn phẩm giá, vì sự phân-trái, của những người phong-lưu giàu có, nhưng thẳng Bơ cũng rất lấy làm sung-sướng. Nó nói đến, như ta khoe những vinh-quang cũ, những ngày năm trước — nó bảo là « năm xưa năm xưa », bất luận việc qua đã lâu hay mới — mà nó được sạch binh nước theo hầu bà Chi-hòa và cơ Quý, con bà, lên chơi Ti-ống-Mai; hoặc một buổi nó mắng cho bà Lợi-Thanh con cả song « to như the nay này », mà nó chạy theo xe bà từ bãi Trường-Lệ về nhà, thẳng một mạch, kuông cần nghĩ lấy « một lẻo một lẻo nào ». Ai nó cung den gần được, từ các ông bề-vệ, nghiêm-trang, cho đến các cô, các cậu hay nô-quà, cười cợt. (Tôi, nó cũng gọi bằng cậu, và tôi rất

ý thể làm đặc-y). Nó có nhiều cách khiến người dùng nó. Nó giúp việc khắp mọi người, ngoan-giỏi, nhanh-nhau, mà không bao giờ xin hay đòi chi hết, tùy ai cho cái gì hay không nó cũng bằng lòng. Ông phán Thông thường bảo nó đánh giầy và bẻ khúc chân cho ông, bà Phán và bà Chi-Hòa hay sai nó quạt cho các bà nghỉ trưa, những hôm nóng bức. Nó vừa quạt vừa kể những truyện miên mê cho đến lúc các bà thiêu-thiu ngủ mới thôi, vì nó biết vô-số truyện. Thỉnh-lhoảng các bà họp đánh tổ-tôm, thì nó lại giữ việc chia bài. Khi nào không ai sai bảo gì, nó đứng ôm một cái cột, nhăm mắt làm trò hề cho cô Quý và các bạn cô cười, hay là nó theo những người đi chơi, làm một kẻ dẫn đường rất thạo.

— Bơ, rót cho tao chén nước.

— Bơ, bưng cho tao cái điều.

— Bơ, đi mua cho tao quả dừa.

— Bơ, đi tìm cô Quý về cho tao bảo.

Thằng Bơ thật là rọt đũa ở không công của tất cả mọi người.

Thấy nó luôn luôn quanh-quẩn ở nhà trọ, một hôm tôi hỏi nó:

— Nhà mày đâu, Bơ?

— Ở rừng Thông.

— Mày không làm gì giúp thầy bu mày ư?

— Không, bu tôi đi chợ đã có chị tôi theo, Còn tôi, bao giờ lớn tí nữa mới phải đi mắng với thầy tôi.

— Đi mắng là làm gì?

— Là đi nghề.

— Nhưng đi nghề là thế nào?

— Là đi đánh cá! Là chở mặng ra khơi ấy!

Trời ơi! Cậu ở Hà-nội có khác, không biết đi nghề là gì! (Tôi chịu để cho nó riêu tôi, xong rồi nó kể thêm): Đi xa lắm kia cậu ạ. Ra mãi giữa khơi, xa-tít, tít-mù-tấp, không trông thấy bờ đâu nữa. Thế rồi đánh cá ở ngoài ấy, vì ở đấy mới có cá to. Cứ mỗi lần đi vài người, phải dậy từ lúc gà gáy nửa đêm, mang theo cả gạo nước để thổi cơm, vì có khi đi hai ba hôm mới về. Tôi đã mấy bận đi theo thầy tôi để học. Ra khơi thích lắm, cậu ạ. Có hôm bề cừ im tăm-tấp, mà nước thì trong, trong là! Y như nước giếng ấy! Hôm nào cậu muốn đi chơi một chuyến, cậu bảo thầy tôi chở cậu đi.

Không đợi cho tôi trả lời, thằng Bơ nheo mắt nhìn tôi một cách chế-nhạo rồi nói tiếp:

— Nhưng cậu thì dậy sớm thế quái nào, vì người Hà-nội bao giờ cũng ngủ đến lúc mặt trời lên cao vọi-vọi rồi mới dậy!

* * *

Một hôm trời oi bức cả ngày, rồi đến chiều nồm lên một cơn giông dữ-dội. Mây đen bỗng dưng kéo tới, như ở đáy bể ùn lên chân trời mỗi lúc

một dày thêm, rồi trong khoảnh-khắc tung ra thành một cái màn gió xám, trùm kín mặt bể mênh-mông. Chớp loang-loáng chạy dài, vẽ những đường lửa chói-lọi, lằng-nhằng, như những đẽ treo của một cây đa lớn buông lơ-lửng trên không hay có khi thả chúng xuống, ngâm vào nước biển. Rồi sấm đồ hồi, ra hiệu cho gió làm cát bay mù-mịt, rắc lên rừng cây và những núi xa một lớp bụi mờ trắng xóa. Bề nhào lộn những đợt sóng sùi bọt, dữ tợn, xô nhau cuồn-cuộn vào bờ như những bức thành nước chuyển-động, đè ngốn những người đi tắm. Xa-xa, nước tóe lên thành một làn sương trắng đục, phảng-phất như hơi, giải là-là trên mặt biển dỏ ngầu. Mưa rơi bắt đầu lác-đác, rồi đột-ngột đổ mau, quất vào người như những ngọn roi.

Trong giây lát, mọi người lui ẩn hết đề bãi biển vắng trơ, như trở lại hoang-tàn vùi cảnh thiên-nhiên hung-hãn. Tôi cũng mãi-miết chạy mau cho khỏi lạnh. Nước mưa làm mờ cả mắt, tôi cầm đầu rảo cẳng và thấy con đường về nhà bỗng trở nên dài vô hạn. Trên đầu tôi, sấm rung chuyển cả vòm trời và bên tai sóng gầm, gió hét, làm cho người cách xa hai thước gào to không nghe thấy tiếng nhau.

Khi gần đến rừng Thông, tôi ngẩng mặt lên và thấy một cái bóng chạy trước tôi về cùng một phía. Tôi dụi mắt nhận ra thằng Bơ. Nó đề mình trần và vừa chạy vừa khum một bàn tay che mắt trông ra xa, như có ý tìm-tòi một cái gì. Tôi gọi, nhưng nó không nghe tiếng. Nó trèo lên một cái thuyền không đề cạ trên bãi cát, nhìn khắp mặt biển một lượt, rồi hót-hải nhảy xuống chạy biển vào trong mưa. Không muốn đi theo nó, tôi rẽ một con đường nhỏ về nhà.

Trời càng về tối, gió càng thổi mạnh và mưa càng rả-rich. Trông lên mồm núi Độc-cước thấy ngọn đèn báo bão lấp-ló ở đầu cột, tôi ngao-ngán vì mất một buổi tối dạo chơi bãi cát, đành giữ một quyển sách ra xem cho qua thì giờ. Mọi người trong nhà trọ cũng ngồi nói chuyện gẫu, hay họp nhau đánh tổ-tôm. Tôi nghe họ kháo nhau, giữa hải quân bài, rằng trước khi bão tới tất cả các mặng của những người chài lưới đi nghề từ sáng, đều về kịp cả, duy có bác Thung, thầy thằng Bơ, là đến bây giờ vẫn biệt tăm hơi.

Tôi bỗng chợt dạ và thoáng trong một giây có cái linh-cảm một sự không lành. Tôi nhớ ngay đến cử-chỉ thằng Bơ ban chiều ngoài bãi biển. Thì ra vậy! Nó nhìn bề bấy giờ là để xem có thấy bóng cái mặng của thầy nó không. Tôi tưởng còn trông thấy nó chạy như một con chó điên ở trong mưa gió. Và đặt mình vào địa-vị nó, tôi bỗng cảm thấy tất cả những mong-mỏi và lo-lắng của đứa con bất-lực giương đôi mắt uố bé mà hỏi cảnh tạo-vật hải-hùng xem tính-mệnh bố có vẹn toàn không.

(Xem tiếp trang 25)

TỔ CHỨC HIỆN THỜI CỦA NỀN KINH-TẾ ĐÔNG-DƯƠNG

(1)

BỔ BỨC DỤC

TRẬN thế-giới chiến-tranh hiện-thời đã đặt nền kinh-tế Đông-Dương vào một tình-thế đặc-biệt và đưa tới một con đường mới-mẽ. Đông-Dương đã bao-năm quen sống dựa vào Mầu-Quốc và ít nhiều vào mấy nước kỹ-nghệ láng-giềng hoặc Âu-Mỹ, chuyên xuất cảng nguyên-liệu của mình và nhập-cảng tạo-phẩm nước ngoài (2). Ở đây không thể nói đến một nền kinh-tế tự-trị dù chỉ là đứng vững tạm-thời cho qua hết buổi biến loạn. Thành ra, đột-nhiên chiến-tranh bùng dậy, bao nhiêu đường thông-thương trên mặt bể với nước Pháp và hầu hết các nước khác đều bị cắt đứt, Đông-Dương lâm ngay vào một tình-thế đáng lo-ngại. Cuộc đại-chiến 1914-1918 đã không có ảnh hưởng sâu-xa tới xứ này là vì những sự thông-thương kia vẫn giữ được; mà hơn nữa sự buôn-bán ở đây đã được kích-thích mạnh-mẽ vì những nhu-cần về nguyên-liệu mỗi ngày một tăng của các nước dự-chiến. Đến như bây giờ thì, trái lại, Đông-Dương gần như bị cô-lập giữa trận phong-ba-quốc-tế. Nền tảng kinh-tế bị lung-lay cuộc sống tưởng đến bị tê-liệt. Cho nên gần bốn năm giờ vừa qua người ta đã phải hết sức, để bao nhiêu tâm-lực, thắng bao nhiêu trở-ngại, cố cứu-vãn lại tình-thế khó-khăn. Nay ta thử xét xem nền kinh-tế của xứ chúng ta đã đi tới vực nào, cách tổ-chức hiện-thời ra sao để cho cuộc sinh-hoạt dân chúng khỏi bị rối-loạn, nguy-ngập.

Trên kia tôi đã nói nền kinh-tế xứ này từ trước phải dựa vào nước Pháp và chút ít vào ngoại-quốc, vì vậy mà muốn xét tình-hình kinh-

tế ở đây tất nhiên trước hết phải xét đến tình-hình hiện-tại sự buôn bán của Đông-Dương với nước ngoài. Đại để người ta đã dựa vào đó, tùy theo xứ này cầu đến thứ gì, không mua được nữa, hoặc chỉ mua được ít ở bên ngoài, để tổ-chức sự xuất-sản cho hợp với nhu-cần; cho nên trong một phần thứ hai ta nói đến sự xuất-sản hiện-thời của Đông-Dương, tiểu-công-nghệ và kỹ-nghệ. Trong một phần thứ ba ta sẽ nói tới sự vận-tải hàng-hóa trong xứ và chính-sách định giá, kiểm-soát giá hàng. Sau hết ta sẽ không quên nói đến một tổ-chức mới rất quan-trọng nó sẽ làm căn-bản cho sự xuất-sản, cho nền kinh-tế ở đây tổ-chức các đoàn-thể nghề-nghiệp theo bên Mầu-Quốc.

I. — Sự buôn-bán với nước ngoài và sự phân phối các hàng trong xứ.

Nguyên là một xứ chuyên về canh-nông, xuất cảng rất nhiều thổ-sản, Liên-Bang Đông-Dương phải lệ-thuộc ngoại-quốc về sự bán sản vật đi cũng như về sự mua hàng chế-tạo và thuộc về kỹ-nghệ. Sự nhập-cảng cung cấp cho xứ này dầu sừng, các chất dầu mỡ cần cho sự vận-tải đường thủy, bộ và đường sắt, bông, các chất hóa-học, máy móc cần về kỹ-nghệ và rất nhiều thực-phẩm tối cần như bột mì, bơ, sữa hộp, rượu vang. Để trả tiền, Đông-Dương xuất-cảng các nông-sản và khoáng-sản. Đứng đầu hàng xuất-cảng có gạo với 1.500.000 tấn trị-giá là 800 triệu quan (theo số năm 1938), rồi tới than đá với 1.500.000 tấn trị giá là 85 triệu quan, ngô, cao-su, cá khô, củi dứa, hạt tiêu, quế, gừng và kẽm.

Riêng nước Pháp giữ trong nền thương-mại xứ này một địa-vị ưu-thắng, càng ngày càng quan-trọng từ khi chế-độ quan-thuế 1928 thi-hành. Ngay trước khi xảy ra chiến-tranh, đại-đề

(1) Theo tài-liệu của nha Kinh-tế Đông-Dương đã đăng trong « Đông-Dương kinh tế tập San » quyển I, năm 1943.

(2) Xem Thanh-Nghị số 7, đặc biệt về Kinh tế Đông-Dương Đông-Dương buôn bán với nước ngoài, của Vũ-vân-Hiến (Dé-combre 1944),

45 |. hàng xuất-cảng và 50 |. hàng nhập-cảng của Đông-Dương là giao-dịch với Mầu-Quốc. Chợt cuộc Âu-Chiến nổi lên, rồi hòa-ước đình-chiến, chế-độ quan-thuế tự-trị ban-hành ở đây từ đó, những giây liên-lạc giữa Đông-Dương và Pháp mỗi ngày một nới lỏng và xứ này bắt buộc phải tổ-chức nền kinh-tế của mình tùy theo tình thế mới.

Thế là Đông-Dương quay lại những nước lân cận và ở ven bờ Thái-Bình-Dương, và trong gần 18 tháng giời, mặc dầu những nỗi khó-khăn về chính trị, những tình-hình gay go về quốc-tế, sự giao-dịch vẫn giữ được đủ để cung-cấp hàng hóa và khiến cho xứ này ứng-thuận không đến nỗi khó-khăn lắm với những điều-kiện mới. Vì vậy mà có hiệp ước Pháp-Nhật ngày 6 Mai 1941 nó thành ra bản hiến-chương hiện-thời của sự giao-thiệp kinh tế giữa Nhật-Bản và Đông-Dương. Trong hiệp-ước đó người ta dự-liệu hàng năm kê ra những bảng hàng-hóa, sản-vật trao-đổi giữa hai nước, do đó sự nhập-cảng vẫn được điều-hòa, không cần phải thi-hành những phương pháp hạn-chế sự xuất-sản. Gạo, ngô, than và quặng Đông-Dương có chỗ tiêu-thụ càng mạnh vì Nhật - Bản cần đến. Những hàng tự Nhật sang cùng với hàng ở các nước khác ở Đông, cho tới ngày 8 Decembre 1941, cung-cấp cho Đông-Dương đại thể được dễ-dàng.

Nhưng cuộc chiến-tranh trên Thái-Bình-Dương xảy ra đã mang đến nhiều nỗi khó-khăn và nêu lên những vấn-đề mới mẻ. Từ đó, sự giao-thiệp với Mầu-Quốc bị đình-lại. Thêm điều Đông-Dương không còn buôn bán được với các nước khác trên bờ Thái-Bình-Dương. Duy, còn Nhật-Bản là nước độc nhất để cung-cấp cho xứ này.

Những vấn-đề do tình-trạng mới nêu lên kịp phải giải-quyết ngay vì cần phải tránh không cho những sản-vật và thực-phẩm khanh-kiệt sớm, trong một thời-hạn ngắn, và cần phải ứng-biến kỹ-nghệ cho thích-hợp với sự tình mới. Chính-phủ phải thi-hành những sự cải-cách đó và một mặt lại những phương-pháp đem ban-hành để điều khiển và kiểm-sát nền kinh-tế của Liên-Bang.

Sự buôn-bán với nước ngoài vì có quan-hệ sinh-tử cho Đông-Dương nên cần phải chế-định bằng một pháp-quī, nghiêm-nhất-Đạo sắc-lệnh ngày 13 Aout 1941 nghiêm-cấm toàn-thể sự xuất nhập hàng hóa nhưng lại đặt ra một cách-thức để được miễn trừ chung hay riêng trong sự nghiêm-cấm đó.

Một cơ-quan liên-hiệp tất cả các nhà buôn làm-nghề nhập-cảng trong khoảng từ 1937 đến 1939 thiết-lập để coi việc thi-hành những huấn-lệnh của chính-phủ về sự nhập-cảng. Mỗi tháng chương-trình định về sự mua hàng ngoại-quốc lại thảo ra do một hội-đồng đặt dưới quyền chủ tọa của viên Giám-Đốc nha Kinh-Tế, và gồm có một đại-biểu của Hội-Đoàn cục và những đại-biểu của các Công-Vụ lớn trong xứ. Theo chương-trình đó, những thương-gia có chân trong Liên-đoàn các nhà nhập-cảng được phép nhập-cảng bao nhiêu tấn hàng tùy theo sự hoạt-động trước kia của họ. Liên-đoàn trên đây đã làm đầy đủ nhiệm-vụ là đảm-bảo sự cung-cấp hàng hóa cho Đông-Dương trong những điều-kiện rất tốt. Về sau công việc của cơ-quan đó lại trao cho tiền ban « Nhập-Cảng » của Đoàn-thể Thương-Nghiệp thế chân cho Liên-Đoàn để định-đoạt, dưới quyền kiểm-sát của Chính-Phủ, cho những đơn riêng xin vi-lệ về sự nghiêm-cấm nhập-cảng.

Sự kiểm-sát xuất-cảng cũng đặt ra với những điều-kiện tương-tự. Tuy-nhiên có một tổ-chức riêng về sự bán cao-su và cốc-loại. Vì sự quan-trọng đặc-biệt của cao-su, mặt nguyên liệu thiết-yếu trong những trường-hợp hiện thời, Chính-Phủ định kiểm-sát sự bán một cách chặt-chẽ. Ngày 10 Février 1941, đã đặt ra ở Saigon một thương-cục, có nhà nước kiểm-sát và những nhà chuyên-môn điều-khiển, chuyên việc mua cao-su của các nhà xuất-sản rồi xuất-cảng theo những huấn-lệnh của chính-phủ.

Còn sự bán gạo và ngô thì đặt dưới quyền chỉ huy của một Thương-cục Gạo và Ngô, đến ngày 1er Decembre 1942 đổi thành Ủy-ban-Cốc-loại, một cơ-quan có đủ « pháp-nhân-cách » (personnalité civile) và đặt dưới quyền trực-tiếp của viên Giám-Đốc nha Kinh-tế. Ủy-ban đó có hai nhiệm-vụ; một là coi việc xuất-cảng, thi-hành những hợp-đồng bán ngô, gạo và các sản-phẩm phụ thuộc, do Chính-phủ Đông-Dương đã ký; hai là điều-khiển trong xứ, có những đoàn-thể nghề-nghiệp đứng trung-gian, sự sản-xuất, vận-lái, mua, bán và gửi đi những cốc-loại. Viên chánh ủy-ban đó, một công-chức cao cấp do phủ Toàn Quyền bổ-định, giữ việc chính-lý những hoạt-động của các cơ-quan trong những đoàn-thể nghề-nghiệp tham-đầu vào việc sản-xuất và bán thóc gạo, và đề-nghị với nhà-nước, với các chính-phủ địa-phương tất cả những phương-pháp xét ra cần thiết cho sự thừa-hành chức-vụ của mình. Nhân viên Ủy-ban đó, mỗi có quyền

hạn tư-vấn, sẽ chọn trong các viên trưởng-tiêu-ban trong những đoàn thể nghề-nghiệp trên kia.

Sự thừa-hành những quyết-nghị của viên trưởng-ủy-ban giao cho từng nghề do những hội hay cơ-quan về nghề-nghiệp thiết-lập ra vì đó :

— hội các nhà sản-xuất ngô-gạo, coi việc ước định số sản-xuất, giữ vững giá nhà nước định, đặt những kho trữ phòng-bị và điều-chỉnh sự bán ngô thóc ;

— tiêu ban « Đai-tải trên sông ngòi » giữ việc tổ-chức sự vận-tải ngô thóc điều-hòa, tự nơi sản xuất đến những khu nhà máy và kho trữ, cùng là tải đến các tàu biển để xuất-cảng ;

— tiêu ban « nhà máy gạo » trong Đoàn-thể các nhà xuất-sản về kỹ nghệ, có nhiệm-vụ ước-tính sức sản-xuất của các nhà máy gạo ở Chợ-lớn, lục-tỉnh và Cao-Mên và trông coi sự chuyển-vận của các nhà máy đó. ;

— Thương-cục Thóc, đặt ra trong Đoàn-thể Thương-Mại, giữ việc kiểm-sát những kho trữ thóc và lo sự cung-cấp thóc cho các nhà máy ở Chợ-lớn ;

— Sau hết, Thương-cục « Ngô-Gạo », trông coi sự xuất-cảng và trao nộp, bốc-loại theo, những hợp-đồng do chính-phủ ký-nhận.

Những sự kinh-phi về hoạt-động của Ủy-ban Cốc-loại tính ở một số « xuất-nạp » (compte) mở tại nhà Đông-Pháp-ngân-hàng.

Để tránh một sự tập-trung thái quá, Ủy-ban đó, tuy hội-sở ở Saigon, có những thương-cục đại-diện ở hai thị-trường ngũ cốc quan-trọng khác ở Đông-Dương tức là Hà-nội và Nam-Vang. Mỗi thương-cục đó đứng đầu có một viên công-chức do các vị thủ-hiến địa-phương cử ra và được Chính-phủ Toàn-quyền chấp-ý, những viên đó mang danh-hiệu là ủy-viên của chính-phủ.

Cách tổ-chức sự buôn-bán với nước ngoài như trên đây khiến cho Đông-Dương làm chọn được hợp-đồng đã ký với Nhật-Bản và cũng mua được hàng hóa cần dùng với những điều-kiện khá-quan so với tình-thế hiện-thời.

Nhưng hàng nhập-cảng được và hàng tích-trữ còn lại, người ta còn phải làm thế nào cho sự phân-phối và tiêu-dụng được phù hợp với lợi chung.

Những phương-pháp thi-hành ngay từ tháng chạp năm 1941 chế-định sự tiêu-dụng các sản-vật cần-thiết. Phần nhiều những hàng-hóa nhập

cảng từ đó đều có chính-phủ kiểm-soát. Vì vậy người ta đặt ra chính-sách dùng « bon » để mua sữa đặc, « bơ » hộp và bột. Những hội-đồng hóa giá giữ việc cấp « bon » cho vai hạng người tiêu thụ như người ốm, trẻ con dưới một tuổi. Vì một sự tiết-chế khôn-ngoan những hàng trữ được, nên số sữa còn lại đủ để cung cấp cho sự nhu-cần của dân chúng cho đến khi nào hoàn-thành những phương-pháp làm sữa tươi sát-trùng và nhập-cảng được sữa Nhật.

Sự lợi-dụng những hàng chế-tạo về kỹ-nghệ nặng và hóa-học cũng được kiểm-sát chặt-chẽ. Những hàng đó đều trữ lại ở các nha nhập-cảng và muốn bán phải xin phép sở Đông-thanh-tra các mỏ, sở này phải dành những hàng kia cho những người nào đáng cần-dùng trước. Một hội đồng thành-lập để nghiên-cứu và đề-nghị những phương-pháp phân-phối, và những phương-sách để cấp phát những hàng kỹ-nghệ nặng và hóa-học trên khắp cõi Đông-Dương, và đề-nghị một bảng thứ-tự người cần dùng nhiều hay ít.

Đồng-thời với việc lập Ủy-ban phân-phối kia, người ta lại lập ra một Hội-đồng tư-vấn liên-nghiệp (Comité consultatif interprofessionnel) coi việc phân-phát nguyên-liệu thiết-yếu cho một ngành hoạt-động quí trọng bậc nhất về công-nghệ, nghề dệt. Ngay từ mấy buổi họp đầu tiên hội-đồng đó đã thoả-xong những chương-trình phân-phối và cấp phát sợi bông, tơ hóa học, v.v.

Những Đoàn thể nghề-nghiệp phù-hợp trông coi sự thừa-hành những chương-trình kia.

Sự tiêu thụ giấy cũng được nhà nước chú ý như những hàng nhập-cảng khác. Cần phải tiết chế sự tiêu-dùng, và cũng tùy theo sức sản-xuất của các nhà máy giấy trong xứ. Những người nào có hay cầm giữ quá 200 cân giấy đều phải khai-trình. Ủy-ban Giấy dựa vào sự khai đó để phân phối giấy cho sáu ngành sau đây : báo chí và thông-tin, nhu-cần về kỹ-nghệ, nhu-cần về hành-chính, nhu-cần của các nhà in, nhu-cần về giấy má và ứng-dụng khác. Trong mỗi ngành sự cấp-phát do những nhân-viên hạng dưới thuộc quyền kiểm-sát của các sở và đoàn-thể mà họ đại-diện và dưới quyền giám-sát tối cao của Ủy-ban giấy giữ việc liên-lạc và chỉnh-đốn giữa mọi ngành.

Sau hết, một Ủy-ban phân-phối các sản-vật khác đã thành lập và coi việc phân-phát và thức hàng chưa có chế-định riêng, và viên Giám-đốc nha Kinh-tế sẽ định-đoạt la những hàng nào.

II. — Sự sản-xuất ở Đông-dương: Chính sách kiểm sát, — tiêu công-nghệ và kỹ-nghệ

Sự kiểm-sát xuất-sản cùng tồn tại với sự kiểm-sát « ngoại-thương » và tiêu thụ. Nhiều ngành hoạt-động phải hạn chế để tránh sự xuất-sản nhiều quá sức tiêu-thụ của thị trường trong nước, Nhất là về kỹ-nghệ mỏ, người ta thảo một chương-trình giới-hạn xuất-sản dưới một con số tối-đại là vì sự xuất-cảng và sự tiêu-thụ trong xứ (cần kềm đi. Chương-trình định một số tối thiểu để sống cho các công ty và sự bán, nhiều ít tùy theo sự hoạt-động, do một thương-cục thuộc về Đoàn-thể kỹ-nghệ mỏ điều-khiển. Tuy nhiên bao giờ cũng có một số hàng trữ sẵn để bắt buộc khi nào có thể xuất-cảng được như thường thì có hàng ngay.

Những kỹ-nghệ khác mà tất cả hay một phần dụng cụ và nguyên-liệu lệ thuộc sự nhập-cảng, cũng phải giới-hạn chương-trình xuất-sản để cho máy lâu hỏng hàng tích-trữ khỏi chóng hết như thế mới sống được lâu dài. Vài kỹ-nghệ về nông-tác cũng phải theo chương-pháp đó.

Trong khi đó Chính-phủ lại hết sức khuyến-khích những ngành xuất-sản khác xét ra cần-thiết cho nền kinh-tế xứ này, nhất là về nông-sản. Hai vấn-đề nêu lên một cách gay-gò : vấn-đề sợi dệt và vấn đề những chất dầu.

Trước chiến-tranh, hàng năm Đông-dương nhập cảng tới 15.000 tấn bông sống và bông sợi cần cho tiêu công-nghệ và hàng hai vạn tấn bao đay. Sự xuất-sản trong xứ không quá số một nghìn tấn bông và vài trăm tấn đay. Thành ra khó lòng mà mở-mang thực chóng sự xuất-sản cho kịp số vẫn nhập-cảng, nhưng người ta cũng cố mở mang đến triệt-đề, ít ra có thể cung-cấp cho những nhu-cần thiết-yếu. Một chương-trình khuếch-trương sự giồng bông đã ấn-định và cần phải những công-cuộc khai-khẩn và dẫn thủy lớn-lao để thi-hành. Bao nhiêu đất tốt cho cây bông, bao nhiêu phương-tiện thuận-hợp cho sự dùng bông đều được dùng đến triệt-đề. Sự tồn-tại của kỹ-nghệ dệt bông, sự cung-cấp điều-hòa sợi cho các nhà tiêu-công-nghệ, vải cho dân-chúng, đều còn tùy ở những vụ hái bông sắp tới. Hiện nay sự giồng bông được chính-phủ chú-ý đến hơn hết.

Việc giồng những cây có dầu cũng tối quan hệ từ ngày không nhập cảng được những chất dầu mỡ thuộc khoáng sản. Khi trước Đông-dương tiêu thụ tới 40.000 tấn dầu sừng, 40.000 tấn dầu hỏa, 20.000 tấn ma-zút, 15 đến 20.000 tấn dầu mỡ khác. Ngày nay một phần dầu sừng có thể thay bằng còng và hơi than củi. Dầu hỏa, chỉ chuyên dùng về việc đèn lửa, thiếu cũng không quan ngại cho lắm. Nhưng việc quan trọng là phải tìm chất khác thay cho ma-zút và chất nhờn. Ma-zút rất cần cho các nhà máy điện, cho « ô-tô ray » và hầu hết các thứ động-cơ về kỹ-nghệ. Những dầu thảo-mộc là những « thế-phẩm » dùng không có hại. Một chương-trình hạn chế nghiêm-ngặt về những nhu-cần kỹ-nghệ đã ấn-định, khiến người ta có thể tìm được số hàng cần-thiết. Đồng-thời người ta lại thảo một bản chương-trình sản-xuất dầu lạc và thầu-dầu. Ở tất cả các xứ đều có khuếch-trương sự giồng các cây có dầu ; sự thu hạt và ép dầu Chính-phủ giao cho Cục-Bình-dân ngân-hàng được độc-quyền. Vì số xuất-sản không đủ cung-cấp cho tất cả những nhu-cần, cho nên cần phải nghiêm-cấm sự mua bán, chuyên chở, và chế-tạo các chất dầu ; và như thế tất phải tránh một thị-trường tự-do trong đó, một phần lớn hàng xuất-sản, chỉ vì được giá cao, sẽ đổ vào những nơi tiêu-thụ không phải là cần-thiết hơn hết.

(Còn nữa)

ĐỖ-ĐỨC-DỤC

SẮP CÓ BÁN:

NGUYỄN TUÂN
QUÊ HU'ÔNG

tức

THIỆU QUÊ HƯƠNG

Gần 500 trang — Ấn loát công phu
Bản thường : 4\$50. Bản quý : 20\$00

ANH HOA

69, Rue du Charbon, HANOI

Thư và tiền để tên ông : MAI VĂN PHÚC

QUYỀN « LÃNH SỰ TÀI PHÁN »

TRONG cuốn:

« Trung Hoa và Liệt cường » (1) tác giả là Uông Tinh Vệ đã chỉ rõ cho ta nguyên do các điều ước bất bình đẳng là từ cuộc « Nha phiến chiến tranh »

(1840). Chúng ta biết rằng: sau cuộc chiến tranh Trung Anh này, chính phủ Mãn Thanh phải ký với người Anh tờ hòa ước Nam kinh (29-8-1842), và sang năm sau, lại ký thêm tờ hòa ước Hồ Môn (8-10-1843). Kế đó, nhà Thanh lại ký với Mỹ một bản Trung Mỹ hiệp định (3-7-1844) và một bản hiệp ước khác nữa với nước Pháp (24-10-1844). Thời kỳ (1840-1844) này là thời kỳ « bốn tờ hiệp định ». Bốn tờ hiệp định này đã cho Anh, Mỹ,

(1) Có bản Pháp văn « La Chine et les Nations » G. Heywood dịch ở Anh văn ra. Nhà Gallimard xuất bản: Paris 1928

CỦA LIỆT CƯỜNG Ở TRUNG-HOA

THANH - TUYỀN

Pháp nắm quyền lợi chính:

1-) *Nhượng địa*. - Hòa ước Nam kinh thuận nhượng đảo Hồng Công cho nước Anh

2-) *Bồi khoản*. - Nước Tàu phải giữ

cho Anh một món tiền bồi khoản là 21 triệu Mỹ kim (dollars).

3) *Mở thương phụ*. - Nước Tàu phải thủ tiêu chính sách « bế quan tỏa cảng » và cho người ngoại quốc có quyền thông thương ở Tàu, phải « mở cửa » năm thương phụ: Canton, Áo Môn, Phúc Châu, Ninh Ba và Thượng Hải. Điều khoản này thừa nhận quyền tự do của người ngoại quốc được trú ngụ, kiểm soát, mua đất đai và chiếm nhượng địa (concessions) ở Tàu... « Dẫn dắt, — lời Uông viết, — những địa hạt đó sẽ gọi là Nhượng địa, và quyền cai trị của Trung quốc, thủ tiêu trong địa hạt... Không những là trong khu vực đó, người ngoại quốc không chịu quyền thống trị của pháp luật Trung quốc; mà người Trung quốc ở đây lại phải thừa nhận pháp luật ngoại quốc. Bấy nhiêu đất « nhượng địa » là đất sở hữu của nước ngoài và được hoàn toàn tự trị, mặc dầu đất đai ấy cũng ở trong đất nước Tàu. Trong các nhượng địa, các đế quốc có quân đội, có hiến binh riêng, có pháp luật, có tòa án về binh, về hình của họ. Họ lại dùng đất « nhượng địa » đó để lập pháo đài, lập căn cứ binh bị cho tiện công cuộc can thiệp mai sau, nếu họ muốn xâm lăng nước Tàu ».

4-) « *Trị ngoại pháp quyền* ». - Uông thích nghĩa danh từ này và cho rằng: cốt từ nghĩa nó là đồng nghĩa với danh từ « Lãnh sự tài phán quyền » (1).

Chúng tôi sẽ biện biệt ý nghĩa hai danh từ « Lãnh sự tài phán quyền (Jurisdiction consulaire) » và « Trị ngoại pháp quyền » (Droit d'exterritorialité) trong một đoạn sau đây. Bây giờ chỉ nói qua rằng: chiếu theo mục thứ tư này,

(1) Nguyên văn theo bản dịch chữ Pháp: Octroi de l'exterritorialité, phrase dont le sens essentiel est exprimé par l'équivalent Chinois de « Jurisdiction consulaire ».

PÉDOCA
vinaigre-cornichon

EN VENTE:

dans tous les grands
magasins d'alimentation

HANOI

N° 136, Boulevard A. Rousseau

Téléphone : 1663

QUYỀN « LÃNH-SỰ TÀI PHẢN »

thì trong toàn địa hạt đất Tàu người ngoại quốc không phải chịu quyền xử đoán của pháp luật Trung quốc, và được ở dưới quyền thống trị của tòa lãnh sự nước họ.

5-) *Thương chính.* — Vấn đề quan thuế (Douanes) ở Tàu phải đặt dưới quyền kiểm soát của các cường quốc.

Trong năm mục trên đây, chỉ có đoạn (4) là quan hệ đến nội dung bài này. Về lai lịch các hiệp định bất bình đẳng, lời họ Uông rất đúng. Chính sách liệt cường ở Tàu sau này, căn bản ở những nguyên tắc như là « Môn hộ khai phóng » (Politique de la porte ouverte), « Cơ hội quân đẳng » (Egalité de chance) (1) thật đã xây nền ở trên bốn tờ hiệp định mà chính phủ Mãn Thanh đã ký kết với mấy cường quốc Âu, Mỹ trong khoảng 1842-1844. Lời Uông vẫn đúng với sự thật trong lúc Uông viết: «...Trị ngoại pháp quyền đã thành một sự xâm phạm nguy hiểm cho chủ quyền Trung quốc hơn là các «nhượng địa» nữa. Nhượng địa đã có khu vực rõ ràng; còn «trị ngoại pháp quyền» thì không có giới hạn».

Nhưng một điều ta nên chú ý là trong bộ sách đã dẫn trên đây, Uông cho rằng: «Trị ngoại pháp quyền» đồng nghĩa với «Lãnh sự tài phán quyền», mặc dầu hai danh từ này biểu hiệu cho hai quyền lợi khác hẳn nhau trong luật pháp quốc tế.

Thực ra thì «trị ngoại pháp quyền» là một quyền lợi phổ thông trong sự giao thiệp quốc tế. Số là trong bọn người ngoại quốc lúc họ trú ở một nước nào cũng vậy, vẫn có một hạng người có một địa vị đặc biệt về mặt pháp luật: họ không phải chịu sự quản trị của pháp luật trong lúc họ trú ngụ ở nước đó. Quyền lợi ấy tức là «trị ngoại pháp quyền» (extraterritorialité). Số người được hưởng quyền lợi này đã hạn định rõ ràng trong luật quốc tế. Hạng người đó gồm có:

1-) Các vị vua chúa, các ông phụ chính (nhiep chính = régents), các ông Tổng thống, và các người tùy tùng của họ, lúc họ đi đến trong một nước.

(1) Nghĩa là nước Tàu phải cho các nước được tự do trở hàng hóa vào bán trong nội địa Tàu (mở rộng cửa) và, về phần «quan thuế», nước Tàu phải đối các nước như nhau, họ đều có quyền lợi như nhau.

2-) Sứ thần và phái bộ đi theo các sứ thần
3-) Lãnh-sự nước ngoài.

4-) Quân đội của nước ngoài, các nhân viên Hải, Lục, Không quân, có phép đóng tạm trong một thời gian ở đất nước trong những trường hợp đặc biệt

Vậy «trị ngoại pháp quyền» là căn bản ở thói quen «Xã giao», ở sự lễ mạo quốc tế của nước này đối với nước kia. Đây là một lối lịch sự của chủ nhà đối với khách là một bình quyền thông dụng ở tất cả các nước văn minh chứ không phải là một điều ước bất bình đẳng như là «Lãnh sự tài phán quyền».

Lãnh sự tài phán quyền là gì? Trong sự giao thiệp quốc tế, về mặt pháp luật, nhiều nước không được hưởng những quyền lợi bình đẳng. Cũng như ở Tàu, nếu một người Âu, Mỹ..., có làm gì phạm đến pháp luật Trung quốc (thí dụ: buôn lậu, làm trình thám, đánh chết người làm rối trật tự v.v.) thì tòa án Tàu cũng không có quyền bắt bớ, xét hỏi, làm án. Thế nào cũng phải giao lại cho lãnh sự của nước người có tội, để tòa lãnh sự đó xét hỏi lấy. Rồi tòa lãnh sự ấy có xét xử hay không? Xử có công bằng hay không? Sự đó nước Tàu không có quyền can thiệp. Cái quyền ngoại quốc vừa kể ra trên đây tức là quyền «lãnh sự tài phán».

Một điều rất dễ dàng nhận thấy là ở Tàu, hai cái quyền «Trị ngoại pháp» và «Lãnh sự tài phán» đã bị người ngoại quốc dùng lẫn với nhau. Trong lúc họ giao thiệp với nước Tàu, họ đã đem «Trị ngoại pháp quyền» cho cả toàn thể kiều dân họ được hưởng.

Quyền «lãnh sự tài phán» của các nước ở Tàu đã có nền tảng từ tờ hòa ước Nam Kinh (1842) nhưng đến năm 1858 thì mới thi hành được một cách chặt chẽ và rộng rãi. Năm 1856 một chiếc tàu buôn cheo cờ Anh vì phạm pháp rồi bị chính phủ Tàu tịch thu ở Quảng Đông. Người Anh liền tạ khẩu khai chiến với Tàu (1857). Tiện dịp, hải quân Pháp ở Viễn Đông cũng giúp sức vào với quân Anh. Rồi một ít tàu chiến của Nga hoàng và của Mỹ cũng ghé vào «đánh hơi». Lễ cố nhiên là «quân đội đuôi sam» bị thua. Tỉnh thành Quảng Đông thất thủ. Rồi hải quân các nước vào ngay cửa sông Bạch Hà (Peiho). Rồi hai tờ hòa ước ký ở Thiên Tân và Bắc Kinh kết thúc trận Arrow

CỦA LIỆT CƯỜNG Ở TRUNG-HOA

này (Arrow là tên chiếc tàu bị tịch thu). Ngoài những điều kiện bồi khoản (gần một triệu livres sterling), lại còn mở thương phụ mại, cho thêm quyền lợi «lối huệ quốc», (nước được hưởng quyền lợi rộng rãi hơn hết về mặt quan thuế: nation la plus privilégiée). Còn một điều nữa là dân ba nước Anh, Mỹ, Pháp sẽ được hưởng quyền «lãnh sự tài phán» khắp cả toàn bộ đất nước Tàu (1858).

Theo tiếp túc mấy nước trên đây, Nga hoàng cũng đòi được quyền «lãnh sự tài phán» trong năm 1860; Đức: 1861; Hòa lan và Đan mạch: 1863; Tây ban Nha: 1864; Tây lợi Thi: 1865; Bồ đào Nha: 1887; Nhật bản: 1896; Mặc tây Kha: 1899.

Nhiều người ngoại quốc vẫn gọi nước Tàu triều Mãn Thanh là con sư tử ngủ bên Á Đông. Con sư tử ngủ này quả là có một bộ lông rất tốt. Xem sự nhượng bộ dễ dàng của chính phủ Thanh trên đây cũng đủ rõ.

Tuy vậy, một ngày kia chú sư-tử bỗng giật

minh cựa quậy! Từ khi dân quốc thành lập, thì trong chương trình ngoại giao đã ghi ngay cái dự án thủ tiêu quyền «lãnh sự tài phán». Sau cuộc cách mạng tháng Octobre, chính phủ Liên Xô đã tự ý bỏ hết những điều ước bất bình đẳng mà trước kia nước Tàu đã ký với Nga Hoàng. Trong tờ hiệp định Trung Nga năm 1923, tuyệt nhiên không nói đến quyền «lãnh sự tài phán». Đức và Áo là hai nước bại trận thì quyền lợi họ đành phải thủ tiêu. Một mặt nữa, sau cuộc Âu chiến 1914-1918, thì mấy tờ «điều ước thân thiện» mà chính phủ Dân quốc mới ký với các nước như là Thụy sĩ (1918), Ba tư (1920), Phần lan (1926) đều có nêu lên những khoản như là: «Dân một nước trong hai bên ký điều ước này, nếu có một ít người trú ở nước kia, thì thân thể và tài sản bọn kiều dân đó đều ở dưới quyền quản trị của đất nước họ cư-trú».

Nếu không có mục này, thì cũng không có

Báo Thanh-Nghị

== IN LẠI 14 SỐ ĐẦU ==

đóng lại thành một cuốn sách, dày chừng 350 trang
khô rộng bằng khổ báo Thanh-Nghị, bìa cứng.

== GIÁ: 5\$00 ==

== Bản Dó lựa giá: 15\$00 ==

Những bạn nào định mua bản Dó lựa xin gửi tiền
ngay trong tháng Juin 1943

Chỉ in đủ số gửi cho các bạn đặt mua và trả tiền trước,
Công việc ấn loát đã bắt đầu Xin các bạn đã đặt mua gửi
kịp ngay ngân phiếu về hoặc lại tòa báo trả tiền trước,
Các bạn ở xa nhớ gửi thêm tiền cước phi là 0\$60.

Nhiều bạn đọc yêu cầu báo T.N. in lại tất cả những số cũ để được đủ bộ từ số đầu đến mấy số gần đây. Xin giã nhời chung
rằng chúng tôi xin đề tâm việc đó và SAU KHI IN LẠI 14 SỐ ĐẦU, sẽ có dịp trả in lại những số kế tiếp từ 15 đến 35.
Các đại-lý ngài nào định lấy bao nhiêu cũng xin gửi đủ tiền trả trước (cả tiền cước)

mục «lãnh sự tài phán quyền». Năm Dân quốc thứ 8 (1919), chính phủ lại công bố một điều ước về hình pháp đối với kiều dân các nước trước kia chưa được hưởng quyền «lãnh sự tài phán».

Mục ấy định rằng: «Kiều dân của các nước mà trước kia chưa hề được hưởng quyền ấy thì không được nhờ một nước nào khác đã có quyền ấy ở Tàu bảo hộ». Năm thứ mười ba (1924), bộ ngoại giao Dân quốc, lại tuyên bố rằng: Không một nước nào được dự vào khoản «tối-huệ-quốc» để mà đòi hưởng quyền lợi «lãnh-sự-tài-phán». Trong hai bản thanh minh trên đây, ta thấy rõ chỗ dụng ý của chính-phủ Dân-quốc là trông lúc chưa đủ sức đề yêu cầu bỏ hẳn cái quyền lợi bất bình đẳng của nước ngoài thì các nhà chính trị chỉ có thể cố sức hạn chế nó lại mà thôi.

Một nhà chính trị Trung hoa đã hết sức tranh đấu với quyền «lãnh-sự-tài-phán» tức là Vương Sung-Huệ, ngoại giao bộ trưởng chính phủ Dân quốc từ 1936.

Ngay lúc Hội nghị Hoa thịnh Đốn (conférence de Washington 1921), Vương lấy tư cách đại biểu Trung quốc mà đề nghị vấn đề thủ tiêu quyền «lãnh sự tài phán», Xung quanh vấn đề này, đại biểu các cường quốc, sau lúc đã nhìn nhau lơ lảo, ho, nghĩ, và sau lúc đã bàn bạc hồi lâu cũng chỉ đi đến lời quyết nghị là: «Trước lúc thảo luận về lời yêu cầu chính phủ Trung hoa, hãy chờ một phái bộ đề điều tra tình hình tư pháp ở Tàu đã, rồi sẽ bàn sau...». Mãi đến năm 1926, đoàn đại biểu các cường quốc mới bắt đầu khai hội ở Bắc Kinh (Bắc Bình). Rồi họ cũng đã chia nhau đi các địa phương để điều tra. Kết quả: hạn điều tra có thảo một bản báo cáo và kết luận rằng: «quyền lãnh sự tài phán ở Tàu không nên triệt bỏ!»

Trước lúc phái bộ vạn quốc qua Tàu thì Tôn Dật Tiên chết (12-3-1925). Trong tờ di chúc, họ Tôn đã nhắc lại cho các đồng chí những chính kiến phải thực hiện ngay. Trừ bỏ những điều kiện bất bình đẳng là một dự án mà họ Tôn ước mong rằng chính phủ Dân quốc sau này sẽ thực hành ngay «trong một thời gian rất gấp».

Sau lúc chính phủ Dân quốc ở Nam Kinh

QUYỀN «LÃNH SỰ TÀI PHÁN»

DANH-VĂN NGOẠI-QUỐC

PHƯƠNG-PHÁP VÀ KỶ-LUẬT

L. H. V.

Chúng tôi đã có dịp giới thiệu với các độc giả Valéry làm thơ. Lần này chúng tôi xin dịch một bài văn của Valéry làm tiểu-luận (essai)

Tiểu-luận (essai) là một lối văn đặc biệt vừa có tính cách triết-học lại vừa có tính cách nhật-báo.

Tiểu luận sở dĩ giống các bài báo là có dựa vào một tin thời sự. Những nhà văn đã suy nghĩ sâu xa về cái tin thời sự ấy, cố tìm trong đó một hay nhiều nguyên nhân sâu xa, vượt khỏi cái tương đối của những việc hàng ngày mà tới chỗ thâm trầm của sự thật tuyệt đối. Cái danh của Valéry viết tiểu luận cũng chẳng kém cái danh Valéry họa sĩ. Đọc mỗi bài văn xuôi ông viết, tưởng như uống một giọt thuốc bổ gan đặc lại mà bài của các nhà văn khác giương như những bát nước chè.

Bài sau này của ông tuy viết từ năm 1896 nhưng đối với một nước mới nhón lên như nước ta vẫn còn bổ ích rất nhiều.

Có nhiều người than thở rằng nước ta thiếu nhân tài! Có cần gì!

Cần gì phải có một Pasteur, một Newton mới thành một cường-quốc. Bài văn của Valéry sẽ bày tỏ rõ rằng phương-pháp với kỷ-luật có thể thay thế được thiên-tài. Cái lối làm việc từng đội từng đoàn (travail par équipes) đã giúp cho sự tiến bộ của những nước mới rất nhiều. Đức, Mỹ, Nhật, ấy là ba thí dụ thật rõ ràng.

Chúng ta nên suy nghĩ rất nhiều, về cái vấn đề tưởng là tầm thường đó, Chúng ta có lẽ cũng có thừa hưởng được của ông cha ta một chút ít phương pháp những cái tính ô-hợp không tuân kỷ-luật của người mình đã phá tan mất hết

Vấn đề sinh tử cho thanh-niên Việt-Nam ngày nay chính là đây sao cho họ lại tìm thấy một nét tốt mà có lẽ những sự loạn-ly ở cuối đời Lê đã làm tiêu tan.

NƯỚC Đức, khá giả được, là nhờ có một cái. Cái đó, nhiều tỉnh người không chịu được, nhất là người Pháp người Anh, Ấy chính là nét trọng kỷ luật. Không nên khinh kỷ luật. Nó còn một tên khác: về phương diện tinh thần, ta gọi nó là phương pháp; tôi đã nói đến nhiều rồi. Một người Anh hay một người Pháp có thể phát minh ra một phương pháp mới. Đã có chứng cứ rành rành. Họ có thể uốn mình theo một kỷ luật. Điều đó cũng lại có chứng cứ. Nhưng họ vẫn thích cái khác hơn. Họ cho rằng phương pháp, kỷ luật chỉ là tạm bợ, bất đắc dĩ mà phải dùng hay, quả hơn nữa, là một sự hi-sinh. Nhưng đối với một người Đức thì thực hành phương pháp, tuân theo kỷ luật ấy chính là sống. Nước Đức lại là một nước mới sinh. Mà phạm các dân tộc leo lên được địa vị một nước lớn hay lấy lại được địa vị cũ, giữa lúc đã có nhiều cường quốc vừa già hơn, vừa hoàn toàn hơn, tất có khuynh hướng bắt chước những điều các nước đàn anh, phải

kinh nghiệm bao nhiêu thế kỷ mới tìm ra. Ấy cũng như một thành phố mới xây thì bao giờ bản đồ cũng kẻ theo hình kỷ hà. Đức, Ý Nhật chính là những nước vào loại đó, được xây dựng lại theo một quan niệm thật hoàn toàn, tìm ra được là do xem xét sự trù phú các nước lân bang hay các sự tiến hóa hiện đại. Nước Nga cũng có thể liệt vào hạng này nếu không vì đất đai quá rộng mà không thể thi hành nhanh chóng chương trình cải cách được.

Tinh nết dân Đức đã lợi cho sự tổ chức và phân chia công việc, nước Đức lại là một nước mới, chăm chăm tiến lên đứng ngang hàng rồi vượt qua các nước cũ. Phải công-nhận rằng Đức đã tỏ vẻ cương quyết, một lòng để khai hóa lấy mình.

Tháo bộ máy hoạt động của nước Đức, tôi đã đem so sách binh bị với kinh tế. Nhưng xét đến các chuyện khác thì cũng đến kết luận thế thôi. Thắng như nền khoa học Đức, vẫn cái lối chia

(Xem tiếp trang sau)

đã thành lập, năm Dân quốc thứ 17 (1928) chính phủ Trung Hoa lại công bố một bản ước-pháp tạm thời để quy định sự quản trị người nước ngoài trú ngụ ở Tàu, và mấy tờ công văn: nào là «hạ mệnh lệnh» nào là «chiến hội». Nhưng rút cuộc, quyền «Lãnh sự tài phán» vẫn y nguyên như cũ, mặc dầu trong mấy tờ hiệp ước mới ký sau đây với các nước Đan Mạch, Ý, Bồ đào Nha, Tỷ lợi thì cũng có khoản nói về sự thủ tiêu quyền đó. Năm 1931, chính phủ lại ban bố những điều lệ «nhất định» để thay vào ước pháp tạm thời 1928, và quyết định rằng: bắt đầu từ ngày 1er Janvier 1931 thì Trung quốc sẽ tự động bãi quyền lãnh sự tài phán. Thế nhưng trước kỳ hạn «tự động» đó mấy tháng thì xảy ra cuộc Trung Nhật xung đột 1930. (Tàu gọi là Cửu Nhất-bát sự kiện: việ 18-9-1930).

Nhưng riêng về địa-vị nước Tàu, thì dầu rằng hồi ấy không có cuộc «Cửu Nhất bát» thì cũng chưa chắc gì chính-phủ Trung-hoa đã có thể tự-dộng bỏ được quyền lợi nước ngoài. Chả thế mà sau lúc lên làm ngoại giao bộ-trưởng, khi Vương-Sung-Huệ lại tiến hành công-cuộc trực-tiếp giao-thiệp với các nước để yêu cầu thủ tiêu quyền «lãnh-sự-tài-phán», thì đến đầu cũng thấy bạn «đồng-giới» các nước chỉ tỏ ra một thái độ quí trọng lãnh-đạm! Có kẻ nói cho Vương nghe «thủ-tiêu cũng được, nhưng bác phải cho chúng tôi một món quyền lợi gì khác to hơn quyền «lãnh sự tài phán» chút ít nữa kia!»

Tuy vậy, thời-cơ cũng đã giúp cho bộ ngoại-giao Tàu được một ít kết quả. Ngay lúc ở Tây-ban-Nha xảy ra cuộc nội chiến giữa chính-phủ Bình-dân và phái Franco, thì viên sứ thần Tây-ban-Nha (về phái Franco) liền từ chức. Mà chính-phủ bình-dân lại không có thì giờ phải người sang thay. Chính-phủ dân-quốc Trung-hoa liền nhân dịp đó tuyên bố hủy-«lãnh-sự-tài-phán» của Tây-ban-Nha. Đây cũng là một thành-tích nho nhỏ, trong một công cuộc vận-động khá to

Đại khái lịch sử quyền «lãnh-sự-tài-phán» của các nước trước trận đại-chiến này là thế.

TIẾNG TUYÊN

CỦA LIỆT CƯỜNG Ở TRUNG HOA

PHU'ONG-PHÁP VÀ KỶ-LUẬT

(Tiếp theo trang trước)

nhỏ các công việc, phân loại tỉ mỉ, tuân đúng kỷ-luật đem áp dụng vào việc tìm tòi. Cũng vẫn lối dùng những khí cụ tài tình, nào phòng thí nghiệm chuyên riêng từng môn, nào bản kê các sách khảo cứu nhiều vô kể, nào lối dạy học tham bác hết thầy, nào những kẻ quên đời mình đi để nghiên ngẫm những vấn đề không ai biết tới. Nền quốc học Đức do đó mà thành, có liên lạc mật thiết với bản chất toàn quốc.

Chúng ta hãy xét vấn đề phương pháp một cách trừu tượng hơn. Hồi nói đến hai chữ ấy, ai cũng nghĩ tới một phương sách có thể chuyển một hiện trạng này sang một hiện trạng nhất định khác. Ai cũng thấy rằng cốt lõi của phương pháp là bỏ đi một vài khuynh hướng, theo đúng một vài định lệ do suy nghĩ mà tìm ra. Ai cũng cần nhận ra rằng sức mạnh của phương pháp rất lớn. Dùng phương pháp thì bớt được các sự tình cờ, giảng cho hiểu cũng dễ. Bao nhiêu chuyện sẽ xảy ra đều được trước được; mỗi một việc lại có một cách giải quyết sẵn sàng, dù việc xảy ra bất thình lình đi chăng nữa.

Trong các công dụng của phương pháp cái này là đặc sắc hơn cả: phương pháp càng hoàn toàn thì công phu sáng tạo càng bớt đi được vì ta có thể lợi dụng được các việc nhiều người tìm thấy. Ví dụ: một nhà kỹ nghệ muốn bán cho một xứ nào đó một sản phẩm của mình. Đáng lẽ tự ngồi suy nghĩ xem phải chế nó thành hình thế nào thì nhà kỹ nghệ mở cuộc điều tra xem tình khách hàng vị lại thích thế nào. Biết được rồi, người đó mới tìm đến nhà bác học thuê tiền để cho tìm thấy một cách chế tạo rẻ tiền, vãn vãn... Sau cùng, lúc sản vật đã chế tạo xong, dài tải đi nơi khác, bán cho mọi người, ta mới nghiệm thấy rằng vật đó đã cần đến hết thảy các cái biết của loài người, mỗi một học, vật đó đã mượn đủ các tài tình để làm cho khách hàng thỏa mãn một cách tương đối mà nhà chế tạo thì thỏa mãn một cách tích cực. Còn gì tầm thường hơn nữa ấy, thế mà chỉ có ở bên Đức là người ta áp dụng phương pháp được hoàn toàn đúng phép. Ai chẳng nhận ra rằng chỉ có việc theo đúng bản chất của muôn vật, không bỏ sót cái gì. Thật chỉ là một câu chuyện có đầu có

đuôi. Ai chẳng phải làm như thế nhưng thật ra người chế tạo không phương pháp luận điều thì sai mà công việc thì hỏng vì hán tự bảo rằng: một vật tốt thì tất phải có người mua, vãn vãn... Còn kẻ tình ra tất biết điều hòa luận lý với tình cờ mà không hề chonghĩa chữ thượng hảo-phẩm lơ mờ, đem toàn đũa dũa. Hẳn khéo đi tìm nghĩa đó trong tận đáy lòng của khách hàng.

Ở bên Đức, những phương pháp đó dễ thi hành hơn ở nơi khác vì dân Đức biết tuân kỷ luật. Họ dễ ra đã biết kỷ luật rồi. Sức mạnh của kỷ luật là định rõ được địa vị của mọi người và vòng hoạt động của họ. Trọng quân đội cũng như ở mọi chỗ, cốt yếu là ai nấy sức có thể làm đến thế nào thì làm cho hết. Muốn đạt mục đích chỉ có một cách: bắt buộc. Giới hạn của sự bắt buộc đó căn cứ vào sức sản xuất của cá nhân. Một tên lính phải đứng vào hàng ngũ là vì đứng riêng ra, thì sức hoạt động kém hẳn đi. Một toán người đóng độ một nghìn không sao bằng được một đội quân năm trăm. Trong quân đội Đức, xếp đặt, tính toán từng ly từng tí; đặc sắc nhất là sự dạy cho quân quan, mỗi người trong vòng hoạt động của mình, biết mà tự tìm lấy cách soay sở. Anh lính chọn như ông viên đại úy, tùy theo từng lúc phải biết cái gì đáng làm thì làm: tưởng như sự tự do của mỗi người cứ tùy theo thứ trật mà tăng lên dần dần. Kết quả của kỷ luật cũng giống như kết quả của phương pháp. Nhờ đó mà sự cố gắng của cá nhân thêm mạnh, thêm nhiều. Mỗi một trường hợp riêng lại có một cách giải quyết dần dỉ mà chắc chắn. Nó bắt ta phải tìm thấy cái có thể tìm thấy được. Chỉ cần có biết tuân lệnh, chẳng phải làm những chuyện ghê gớm gì. Nó giảm bớt địa vị của sự tình cờ.

PAUL VALÉRY

(L. H. V. dịch)

Ả Q CHÍNH TRUYỆN
SẼ IN THÀNH SÁCH
THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

TÍNH CÁCH TU'ONG ĐỐI CỦA Khoa-học

NGUYỄN XIÊN

NGUỜI ta có thể cho là tất thảy các môn khoa-học đều có một cái nguồn gốc thực-nghiệm. Thế là công nhận cái gì cũng qua giác quan rồi mới vào trí-não. Ông Laisant đã nói : một thiên tài vô song đầu là Archimède, Gauss hay Lagrange, nếu đứng một mình trong vũ-trụ và chỉ có trí-não mà thôi thì cũng không đi tới được cái quan-niệm về con số 2. Vậy thì vũ-trụ vẫn y nguyên mà con người khác đi, khác về sức vóc, khác về giác-quan, khoa-học phải khác. Nói rõ hơn, những cái luật mà ta gọi là luật thiên-nhiên không có tính-cách tuyệt đối, ấy chỉ là những cái ý-tượng mà ngoại vật gợi ra trong óc ta sau khi đã được giác-quan lọc lỏi và ghi nhớ, vậy chúng đã thay đổi nếu trong con người ta có cái gì thay đổi. Để chứng minh điều đó, tôi xin dẫn ba cái tỷ-dụ của William Crookes người Anh. Von Bader người Đức, Gaston Moch người Pháp.

Cái tỷ dụ của William Crookes một con người nhỏ sù, nhỏ bằng một con vi trùng mà kính hiển-vi phải phóng đại hàng mấy trăm, mấy nghìn lần ta mới thấy. Ta cứ gọi nó là con người vi-trùng.

Đứng trên một cái lá rau nó tưởng đứng giữa một cánh đồng mênh-mông bát-ngát, rộng hàng mấy trăm vạn mẫu, rải rác có nhiều khối tròn to kinh khủng vừa trong vừa sáng. Ấy là những hạt sương mà ít khi ta để ý tới vì chỉ xuất-hiện là-dạ-mặt-đất. Trông, xa nó thấy hình như cái khối ấy phát ra một thứ ánh sáng lóng lánh. Tò mò lại gần sờ vào thì nó nhận ra một chất gì như cao-su, ấn xuống không chuyển, cho đến khi đột-nhiên mặt nước rách ra thì anh chàng vi trùng đi, quay lòng lốc tam-thiên bát-đạo chán rồi nó lại dính chặt vào mặt nước, không tài

nào tự gỡ ra được, như là bị giàn vào một cái khối to vào hạng kim-tự-thấp. Bị phơi nắng như thế một lúc, nó thấy cái khối cứ nhỏ dần, nhỏ mãi rồi biến hẳn đi. Đến lúc ấy thì nó mới đi lại được.

Xuống đến mặt đất thì nó thấy nhan nhản những núi là núi, hiem trở quá chừng mà động có mưa là thân nó lại hết sức khô, hoặc bị lòi vào hang sâu vực thẳm, hoặc lênh đênh trên mặt biển mênh mông, phải đợi cho biển cạn sông khô rồi mới lần mò đi chỗ khác.

Ta đừng lo nó chết đuối, không biết bơi nó cũng vẫn nổi như thường. Mà nó có vác sỏi ném vào nước, nước sẽ lồm xướng, nhưng sỏi vẫn nổi. Có chai có lọ nó cũng khó lòng mà đổ được nước vào. Chặt vật lằm đổ vào rồi cũng khó mà rót ra.

Nó lại không tài nào mà bật được lửa. Làm thế nào thì làm, cọ sát kim-dụng hay lập-chú ánh sáng cũng thế, cái hùi nhùi của nó nhỏ quá không tài nào giữ cái nhiệt lại cho đến lúc cháy.

Không chuyển được nước, không làm bật được lửa, quan-niệm của nó về vật-lý và hóa-học sẽ ra làm sao? Về tính chất của nước, sách vật-lý của nó sẽ có những câu như thế này: « Ở thể lỏng chất nước hiện vào hình cầu, có khi lồi có khi lõm xuống không nhất định. Không thể chuyển chúng từ bình này sang bình khác được. Chúng cưỡng lại lực hấp-dẫn một cái lực tự-nhiên chỉ có tác dụng trong những trường-hợp đặc-biệt v... »

Đời của người vi-trùng sẽ bị chi-phối bởi những cái lực thuộc về hạng nguyên tử. Vậy họ có thể hiểu rất tinh tường nhiều hiện tượng mà ngày nay ta mới biết một cách mập mờ và giảng theo nhiều giả thuyết chưa có gì làm chắc-chắn, trong đó có các hiện tượng mà ta gọi là mao-tế. Mắt họ sẽ thấy rõ ràng cái động gọi là động Brown mà nguyên nhân là sự động hỗn-loạn của nguyên-tử. Đến cái hiện tượng vừa tầm mắt ta thì họ sẽ hết sức mù mờ, không thể nhận biết được ranh mạch.

Cái tỷ-dụ của Von Bader là một con người mà đời sống rất dài hay rất ngắn đối với cái sống ba vạn sáu ngàn ngày của ta.

Ta thường trong một sao đồng-hồ phân biệt được phỏng chừng mười sự và cuộc đời của ta tự thủy đến chung có thể lấy cái tổng số cảm-giác mà đo. Nếu con số đó không đổi mà trong một sao ta lại ghi được đến một vạn sự thì cái đời của ta lại ngắn đi một nghìn lần, vị chi chỉ có độ chừng một tháng. Sống có ngắn

ây thời thì tự một mình ta không thể thấy được sự đổi thay của bốn mùa Ra đời vào mùa đông ta sẽ tưởng đến mùa hạ như ngày nay ta tưởng đến thời kỳ than-dá. Ta sẽ cho sự động của các sinh-vật là chậm chạp lắm lắm, không thể nhận biết được bằng cảm-giác, chỉ có suy-luận mới tìm ra. Mặt trời mà ngày nay ai cũng biết có niền động sẽ đứng yên đối với tinh tú, sự đổi chỗ của mặt trăng sẽ cần phải có mắt tinh lắm mới thấy. Đại loại kiến-thức của người sống một tuần trăng là như thế.

Trái lại, nếu trong một thời-gian nhất-dịnh cái số cảm-giác của ta chỉ là một phần nghìn số bây giờ thì ta sẽ sống một nghìn lần lâu hơn bây giờ. Một mùa chỉ là một khắc, thảo mộc sẽ lớn rất nhanh đến nỗi được cho là có tính cách tức-thời, cây sống một năm chỉ là một vật phù-du, chưa nở đã tàn, động vật có đi bước một cũng nhanh như tên đạn, mặt trời đi nhanh như sao sa, mà sao sa thì chẳng ai trông thấy được nữa. Máy ciné không cần quay nhanh, một bài âm nhạc sẽ kéo dài hàng mấy ngày. Đời người mà được như thế thì sự nghiên-cứu về các cái động trường-cửu trong thiên văn rất là tinh tường, ta sẽ thấy hầu hết các sự động của trái đất mà ngày nay ta chỉ biết tên còn không biết thực.

Gaston Moch không cầu-kỳ đến thế. Ông ta chỉ thay vào mắt người một thứ mắt bằng gỗ hay bằng giấy bia để cho nó cảm nhận được tia X, cái thứ quang-tuyến mà mắt ta không thấy được bởi vì cái số chu-ba của nó quá ba trăm ngàn triệu triệu, con số chu-ba của ánh sáng thấy được chỉ dưới 750 triệu triệu.

Cảm tưởng và kiến thức của con người kỳ dị ấy, mà Gaston Moch gọi là Xylope đã được ông ta diễn ra một cách rất lý thú :

« Ngắm người yêu của nó, nó chỉ thấy một bộ xương chung quanh có một chất mờ mờ như là giồng keo của ta. Tiêu chuẩn về sắc đẹp của ta là con mắt có tinh, cái miệng có duyên, bộ răng trắng nuốt hay đen nhánh (1) v. v... Trong tiểu thuyết của nó nhan-sắc đàn bà lại mô tả một cách khác : « Bạch Tuyết có một lồng ngực rất đàn đối, hai xương bả vai rất đẹp ; xương ức như tò như vẽ, đến xương cẳng tay cẳng chân thì lại tuyệt-mỹ, với cái lớp thịt mờ mờ bao bọc chân ngoài, thật là tròn trặn nên thơ quá.. »

(1) Ông Gaston có nhắc đến răng đen của người mình.

Người Xylope làm nhà bằng pha-lê để cho kín đáo, khỏi người ngoài dòm ngó. Một cái rừng xanh thăm đối với nó là vô số vòi nước chỉ thiên. Lại gần thế nào nó cũng va vào thân cây. Vậy sách thủy-học của nó sẽ có một đoạn như vậy :

« Mùa xuân, khí trời êm ấm, mặt đất rải rác vô số suối chỉ-thiên: Nước của các suối đó không theo trọng-lực mà cũng không bị luật về sự bay-hơi kiểm chế Nước lên rất chậm. Từ đất lên là một vòi chính vòi này lại chia ra làm nhiều vòi con, rồi lại chia ra làm vô số vòi ly-ty, đếm không xiết được. Suối càng nhiều vòi con bao nhiêu thì lên càng cao. Có khi nhiều suối nước gần nhau quá đến nỗi không phân biệt được vòi con của cái nào. Vòi nước nhỏ đến thế mà nắng mưa hạ cũng không khô. Mùa thu mới khô hẳn, và như thế mới tránh khỏi sự động thành giá rất có tai hại. Đặc tính của thứ suối ấy là có một chất gì bao bọc che chở cho nó mà ta không thấy, muốn lại gần phải rất cẩn thận, không thì sẽ bị ụ đầu sứt trán hoặc rách áo quần hay bị đâm trich rất đau.. »

Đời sau, người Xylope văn minh hơn thì sẽ chép rằng :

« Suối chỉ-thiên rất là ích lợi. Dùng những khí cụ gọi là dao, búa, cuốc, xẻng, ta có thể đào, chặt và cưa ra từng đoạn cái chất cứng bao bọc chung quanh nó mà đời xưa cha ông ta cho là thần giữ suối. Phơi nắng ít lâu, chất ấy sẽ thành ra trong suốt, có thể dùng làm cửa che mưa gió mà không tối nhà. Làm đường nằm thì rất tốt nhưng phải đặt lên một tảng chì không thì ta sẽ không biết đâu mà ngã lưng. Làm tấm xà răng không ai biết, làm hòm đựng đồ cũng được nhưng không dấu kín được của quý. Chất ấy đã được các nhà khoa-học đặt cho cái tên là gỗ.

Nếu có chiến tranh, người Xylope cũng dùng tàu bay cánh làm bằng aluminium thì tàu bay sẽ là một chiến-cụ vô-hình, nghe được nhưng không thấy được. Phần nhiều đối với các vật mà ta thấy được thì họ lại mù tịt như thế cả. Luật thiên nhiên qua mắt họ sẽ khác xa khoa-học của ta, mà khoa-học của ta khác khoa-học của người vi-rùng cái lẽ đó nay ta có lẽ cho là cố-nhiên vậy.

Nhưng cũng người có tai mắt như ta mà theo hoàn-cảnh có thể cảm-ứng khác hẳn ta, ấy cũng là một vấn-đề tương đối mà nhà học giả siêu-quần Einstein đã lấy toán-pháp mà chứng-minh một cách quyết-nhiên, rất có ảnh hưởng đến nền khoa-học hiện-thời và tương-lai của nhân-loại.

N. X.

XÃ-HỘI VIỆT-NAM TỪ THẾ-KỶ THỨ XVII

NGUYỄN TRỌNG PHẦN dịch

BÀI THỨ MƯỜI SÁU

V. — Jean Baptiste Tavernier

CHƯƠNG THỨ BA. — *Thổ sản xứ Đàng ngoài*

Xứ này không có lúa mì, không có nho, nhưng có rất nhiều lúa là thực phẩm của các dân xứ này và một phần lớn Ấn-độ và Nam-dương; gạo còn dùng để nấu nước uống và rượu mạnh.

Có nhiều cây và quả ngon, bên ta không có : như dừa lớn nhất châu Á, quả to như đầu người, vỏ cứng, cùi trắng như tuyết, bùi như hạnh nhân, mỗi quả đựng ước chừng được hai cốc to nước uống rất mát và rất dễ chịu. Ổi giống cây nguyệt quế (? laurier) và có hai loại : một loại quả xanh lòng đỏ, một loại quả vàng lòng trắng quý hơn hai loại trong thịt đều có hạt nhỏ hơn hạt lựu ; ăn xanh thì làm săn dạ, ăn chín trái lại đi làm giãn ruột ra, ổi trước không có ở đây nhưng từ khi đến lập nghiệp ở Áo-môn người Bồ-đào có mang sang và ổi này nở ra nhiều lắm. Đu-đu quả hơi có liên lạc về hình thức với một thứ dưa, vị rất ngon. Cây cau mọc thẳng và cao như cột buồm, trên ngọn mới có lá trông như mũ miện ; quả như quả nhục đậu khấu (noix de muscade) nhưng tròn hơn ; thổ dân đem bỏ ra, nhai với trầu không và vôi cho răng sáng, môi đỏ và hơi miệng thở ra khói hôi. Vả có hai thứ : một thứ khác bên ta, quả giải như ngón tay. Còn có một thứ cây nữa, tựa như cây liễu, họ gọi là cây thuốc súng (? arbre à poudre), gỗ đem đốt thành than, than đem làm thuốc súng dùng vào việc trận mạc. Cây..... (jam boger) rất cao có nhiều quả to như quả bí, lắm hạt như hạt lựu, rất ngon và mát nên dân đây hay ăn vào những hồi nóng bức.

Trên các đường cái còn nhiều thứ cây to giống đề-lấy bóng mát cho khách đi đường ; có những cây to mà bóng có thể che hai ba nghìn người : khi cành to trở ra khỏi thân cây được chừng mười mười hai thước thì có nhiều cành nhỏ trải ra khỏi những cành to ấy đâm thẳng xuống đất mọc rễ và nâng đỡ những cành lớn ; có cành con giải đến hơn ba trăm bộ ; và cành nọ đâm xuống đất cách cành kia từ mười hai đến mười lăm bộ.

Quả to như hạt dẻ, da đỏ nhưng trong chỉ có rất những hạt như kê : chỉ có dơi ăn những quả ấy và làm tổ trên ngọn cây đa thôi.

Dơi to như con gà con, cánh giải đến một thước rưỡi không đậu trên cành như các thứ chim chóc khác, nhưng mỗi cánh có bảy tám cái móc móc vào cành, đầu quay xuống đất, ta có dùng súng bắn, nó chết nhưng vẫn cứ bám vào cành như thể làm ta đứng xa tưởng là những quả lê còn treo trên cành. Người Bồ-đào thích ăn ragoût dơi lắm ; giá có bảo họ bỏ gà ăn dơi họ cũng chịu vì thịt dơi trắng nõn và khi còn non, ngon lắm. Người Bồ-đào có mời tôi ăn thịt dơi hai lần ; nếu họ không bảo tôi trước thì tôi không phân biệt được với thịt gà.

Nhân nói đến dơi tôi cũng nói qua về yến là một giống chim làm tổ trên bốn hòn đảo đề A, B, C, D, thuộc về Đàng trong, trông từ địa đồ của quyền sách này Yến to như con nhạn và dùng một chất không mờ và cũng không trong để làm tổ ; chất ấy lớp nọ chồng lên lớp kia như các bậc hành ; tổ yến ngấm vào nước ấm thì tan, và đem nấu, thì có đủ mùi thơm của các gia vị ở Đàng phương. Tổ yến đem bán khắp các miền Ấn-Độ, Nam-Dương, sang mãi tận bên Hòa-Lan và nhất ở Đàng ngoài. Tôi có đem một ít về biếu các nhà quyền quý bên ta và ai ai cũng công nhận là tổ yến đem chế vào các món ăn thì không có gia vị nào bằng.

Kể bên bốn hòn đảo A, B, C, D còn năm hòn đề 1, 2, 3, 4, 5, sản xuất ra nhiều ba ba ăn ngon lắm ; dân Đàng trong và Đàng ngoài khi được mời đi ăn khách mà trong tiệc không có món ấy thì vẫn cho là chưa được quý trọng ; họ đem muối ba ba rồi tải ra ngoại quốc bán ; hai xứ đánh nhau một phần cũng vì nguồn lợi ấy, tựa như người Anh cát Lợi và người Hòa-Lan tranh dành nhau trong việc đánh cá mòi (hareng). Ở đây còn có dưa và cam cam có thứ bé hơn quả mơ, có thứ to hơn cam ; Bồ-đào, nhưng cả hai thứ cùng một vị ; chanh có hai thứ : một thứ xanh, một thứ vàng, ăn chưa hại gì vị lắm nhưng dùng để đánh đồ thau, đồ đồng, đồ sắt và các kim khí khác trước khi đem mạ ; tỳ

(Xem tiếp trang 24)

RUDYARD KIPLING NHÃM: ĐÔNG VÀ TÂY THỰC RA ĐÃ CÓ LẦN GẶP NHAU

VŨ BỘI LIÊU

(Tiếp theo kỳ 1^{er} Juillet 1943)

B. — *Tỉ dụ lấy trong những thành ngữ
Pháp và Nam*

Người Pháp nói	Người Nam nói
— Ce n'est pas la peine de jeter des perles aux pour- ceaux (hoài hạt trai mà vứt cho lợn)	Hoài hồng ngâm cho chuột vọc, hoài hòn ngọc cho ngâu vầy.
— Jeter la pierre et cacher le bras (ném đá giấu tay)	Ném đá giấu tay.
— Ne réveillez pas le chat qui dort (mèo đang ngủ thì đừng chọc cho nó dậy)	Đừng chọc... ra mà ngủi — Đừng trêu mẹ n, rộp mà sơ có ngày.
— Attendre que les alouet- tes tombent toutes rôties (đợi có những con sơn ca quay sảo rỏ rơi vào miệng: nói về các anh đại lẫn)	Há miệng chờ sung.
— Sauter sur quelque cho- se comme une grenouille sur du drap rouge (nhảy sổ vào cái gì như con ếch vồm mống dạ đỏ)	Như ếch vồm hoa dâm, bụt.
— Il vaudrait mieux parler à son bonnet (thà nói với cái mũ đội đêm của mình)	Thà vạch đầu gối ra mà nói.
— J'ai mis le doigt où il fallait — On le gratte par où il démange (gãi vào chỗ ngứa)	Gãi vào chỗ ngứa.
— Tuer le ver giết sâu bọ: uống rượu)	Giết sâu bọ.
— Coup de pied de l'âne (cái đá của con lừa: trong bài « Con sư tử trở về già » La Fontaine kể chuyện một con sư tử đến lúc già nua tuổi tác, bị bò đến bú, chó sói đến cắn, lừa đến đá cho một vó)	Rồng chơi chỗ cạn tôm cù nách, hổ xuống đồng-bằng 'chó vượt đuôi. . Thất thế kiến tha bò, sa cơ ruồi đuôi ngựa.
— Mesurer la terre (đo đất: ngã)	Đo đất. ngã)
— Ramasser une bûche (vò khúc gỗ củi: ngã)	Vò ếch. khúc gỗ củi: ngã)
— Tomber les quatre fers en l'air (ngã chông bốn vó lên giới)	Ngã chông bốn vó lên giới. . Ngã chông gọng.
— Soulager une montre (đỡ nhẹ một cái đồng hồ: ăn cấp)	Đỡ nhẹ một cái đồng hồ.
— Jeter de l'huile sur le feu (lửa cháy đổ thêm dầu)	Lửa cháy đổ thêm dầu.
— Crever de rire (cười vỡ bụng)	Cười vỡ bụng.
— Près de la terre et loin du ciel (gần đất xa trời)	Gần đất xa trời: sắp chết.
— Dévorer ses larmes (nuốt nước mắt)	Nuốt nước mắt.
— Avaler sa colère (nuốt giận)	Nuốt giận làm lạnh.
— Manger sa promesse (ăn mất lời hứa)	Nói nhời, rồi lại ăn nhời như không.
— Nourrir un serpent dans son sein (nuôi rắn trong ngực)	Nuôi ong tay áo.
— Introduire le loup dans la bergerie (giắt chó sói vào chuồng cừu)	Cồng rắn cẩu gà nhà
— Que tu sois damné du Ciel et de la Terre! (trời tru đất diệt mày!)	Trời tru đất diệt mày!
— Chercher des poux sur la tête de quelqu'un (vạch đầu ai để tìm chấy)	Bới lông tìm vết, vạch lá tìm sâu.
— Echapper comme une anguille (lẩn như trạch)	Lẩn như trạch.
— Aller à pas de tortue (đi chậm như rùa)	Đi chậm như rùa.
— Chercher une aiguille dans une botte de foin (tìm cái kim trong một bó rơm)	Đáy bể mò kim.

— Grosse tête, peu de sens To đầu mà đại.
(to đầu mà ít khôn)
— Faire du cuir d'autrui
larga courroie (lấy da của
người thì tha hồ cắt rộng
giấy) của người Bồ tát, của
ta lạt buộc.
— Il tondrait un œuf (nó
gọt lông cả quả trứng: chỉ
người keo bẩn) Rán sành ra mỡ.
— Mettre dans le même sac Vỡ dưa cả năm.
(nhét cả vào một bị)
— Vouloir apprendre à vo- Chưa vỡ bụng cứt đã
ler avant d'avoir des ailes. đòi bay bằng.
(chưa có cánh đã muốn học
bay) Chưa học bò đã lo học
chạy.
— Pêcher en eau trouble Đục nước béo cò.
(bắt cá nước đục)
— Faire d'une pierre deux coups (ném một hòn đá
trúng cả đôi) Nhất cử lưỡng tiện.

III

Và cả trong tư-tưởng

Trong quyển « *L'idéal du sage* », ông Phạm Quỳnh đã bày tỏ rằng cái quan niệm người « chính-nhân » (l'honnête homme) của người Pháp có nhiều điều giống như cái quan-niệm người quân-tử của đạo Khổng. « Người chính nhân » của Pháp — ông viết — cũng như người quân tử của Tàu, đều vụ lễ phải hơn cả, chuộng điều độ, ưa trật tự, thờ chính lý làm phép chung của vũ trụ, ghét những cái gì quá đáng, không tự nhiên. Cái « Chính lý » của các nhà làm sách về thế kỷ 17, chẳng là giống hệt cái « thiên lý » của các nhà triết học Tàu dư? Và Malebranche giải nghĩa cái « chính lý » (la raison) chắc không ngờ đâu rằng đã gặp đức Khổng Tử khi ngài giảng trong sách « Đại học » về cái « đức sáng » (Minh đức) của trời phú bẩm cho mọi người. Molière bàn về cái « lẽ phải phải chẳng » (la raisonnable), Descartes luận về cách cư xử theo đạo trung bình, tránh chỗ cực-đoan, chính là đã dạy cho mọi người đạo « trung dung » của Khổng giáo mà không biết.

Ta đọc câu này ở sách Luận Ngữ « Tính người ta lúc mới sinh không khác nhau mấy, chỉ vì tập quen hay thì hay, tập quen dở thì dở », có phải nghe phảng phất như J. Rousseau luận tội xã hội, bảo người ta sinh ra tính vốn thiện, chỉ vì xã hội mà hóa ra hư hỏng dư? Và nhờ đức Khổng Tử trong kinh Lễ: « Việc gì người khác làm cho ta mà ta không thích, ta cũng chớ làm cho người ta » thật giống hệt câu nói của nhà văn Pháp Lamennais « Đừng làm cho người cái gì mà mình không muốn người khác làm cho mình, đấy là lẽ công bình ».

Có nhiều câu trăm ngôn Đông, Tây giống nhau như thế, dưới đây là một vài tí dụ khác:

Trăm ngôn Tây phương

— Có học vấn mà không
có lương tâm chỉ tò bại
hoại cho linh hồn
(Rabelais).
— Người ta cần việc làm
hơn là nhời nói
(Racine).
— Càng cố học, tôi càng
nhận ra mình còn kém
(Descartes).
— Ăn rưng ngồi rồi là
cái nguồn của bao nàiêu
điều bất chính
(La cordaire).

— Những người chưa
biết đau khổ thì chẳng
hiếu gì cả, họ không biết
từng trải qua, thời tui
thế nào là hay là dở
(Fénelon).

Trăm ngôn Đông phương (1)

— Có học vấn mà không
có lương tâm thì lại càng
nguy hiểm.

(Danh ngôn).

— Chỉ có noi mà không
có làm, người quân tử
lấy làm xấu hổ (Lễ Ký).

— Càng học càng thấy
mình còn kém.

(Lễ Ký).

— Thư nhân là thư thuộc
độc, không nên quyền-
luyến ham mê (Tả truyện)

— Cái lưới sinh ra đủ
mọi nết xấu (Táng q Phiến)

— Tâm chí chưa phải
vay đặng, hoặc nậu chưa
từng trải qua, thời tui
không chậm và dăm lực
non (Hồ lâm Dự).

Nghĩ kỹ ra, sự gặp gỡ của Đông và Tây trong tư tưởng cũng không có gì lạ, nó chỉ bày tỏ rằng dù ở thời đại nào, dù ở nước nào nữa, « lẽ phải bao giờ cũng là một ».

IV

Kết-luận

Trong một bài diễn thuyết, Rudyard Kipling đã phát biểu một ý kiến làm rung động cả dư luận hoàn cầu. Nhiều người đua nhau nhắc lại câu nói của ông, coi như thể một trăm ngôn bất hủ. Nhưng xét cho kỹ đồ chỉ là một lời phán đoán quá sơ thiên và trong nhiều trường hợp, lại sai lầm nữa. Ảnh hưởng của nó không phải là không tai hại: nó là cái trở lực cho sự tương tri của các dân tộc, vì nhiều người cứ vin lấy câu ấy để che đậy sự nóng nôi, sự thiếu suy xét của mình. Một bức tường cao vì vậy vẫn đứng sừng sững giữa Đông phương và Tây Phương.

Có nhiều nhà du lịch chỉ lướt qua ta như một cái bóng, lúc về nước cũng viết hàng mấy quyển sách dày, tả tỉ mỉ phong tục, tập quán của ta như thế, những điều nhận xét, những nhời phán đoán của họ sao cho khỏi sai lầm. Ta không lấy làm lạ khi thấy chép trong những sách nói về Đông-dương nhiều điều thâm vô lý và nực cười: Một nhà văn nọ bảo dân Việt Nam có tục thở khói vào mặt nhau để tỏ lòng kính trọng, và ôm lấy nhau, múi cạo vào mũi, hít thật mạnh để chào nhau! Một người khác đặt cho ta những tên rất dị kỳ: Tu

(1) Trích trong quyển « *Hán học danh ngôn* » của ông Trần Iê-Nhân.

No Ba, Ho Ti Jin, Ti So Nam, Zim Zi Zi, và trong một quyển tiểu-thuyết của bà Myriam Harry, chỉ hàng qua rao: «Miao... o... oh! chia-ti-ti-le!», khách ngồi xe kêu: «Mao, Mao!» và phu xe giả lời: «tao tao!». Trong mấy tác phẩm khác, ta lại gặp một ông huyện chít khăn đỏ, anh phu xe kéo ống «cai quan» (cái quần!) lên để lau mồ hôi trán, và một bà già gây đàn lục huyền cầm bằng ngón chân trái!

Thế rồi những nhà văn thiếu lương tâm ấy cũng không bỏ lỡ dịp xét đoán về tâm lý người Việt Nam, họ phán đoán dân tộc ta rất nghiêm khắc, rồi còn phàn nàn người Đông phương bí mật, Âu châu không tài nào hiểu được. Và sau cùng, với một cái lắc đầu chán nản, họ lại lấy câu của R. Kipling ra làm kết luận.

Không, Đông và Tây không xa nhau quá như người ta vẫn tưởng. Tâm hồn một dân tộc chỉ rộng mở cho những ai chịu quan sát đến nơi đến chốn, cho những người không bị những thành kiến hẹp hòi về chủng tộc làm cho mờ mắt.

Đông phương và Tây phương — như trên đã nói đã cùng tìm ra một «kiểu mẫu làm người»: người Pháp gọi là «chính nhân», Trung hoa gọi là «quân tử». Đồng ý với tác giả «L'idéal du sage», tôi cũng nghĩ tiếc cho nhân loại sao không cố gắng được như thế, vì nếu được vậy, có lẽ thế giới đã bước được một bước dài trên con đường hạnh phúc.

Đề kết luận bà khảo cứu đã, này về «những sự gặp gỡ của Đông phương và Tây phương», tôi xin thuật dưới đây cái mộng tưởng của bác sĩ P. Louis Couchoud, một hôm ông đến thăm Khổng miếu ở Sơn đông. Tác giả «Sages et poètes d'Asie» (Các nhà hiền triết và thi sĩ Á Đông) mở màng đến lúc Đông phương và Tây phương trút bỏ hết cả những thành kiến về chủng tộc, về màu da, «hội họp với nhau để chao đổi những của báu của tinh thần». Bấy giờ ở Âu châu, Mỹ châu và Á châu sẽ chung nhau để dựng lên một tòa miếu, trong đó sẽ thờ chung đức Khổng tử và ông Socrate, hai bậc hiền triết đã dạy cho loài người cách khéo dùng lẽ phải, «hai vị sáng tạo ra luân lý học, phát minh ra đạo nhân từ». Cảnh đức Khổng tử, sẽ thờ cả tự phối, thập nhị triết, thất thập nhị hiền. Socrate sẽ có bốn đồ đệ là Platon, Xénophon, Aristote và Epicure. Và ở những hàng dưới, ta sẽ nhận thấy những tượng của Descartes, Sénèque, Spinoza, Locke,

CẢI CHÍNH

Trong bài «Rudyard Kipling nhằm...» đăng ngày 1er Juillet 1943

Trang 23: xem «Đông tây ngụ ngôn» của Nguyễn-quang-Oánh, xin đọc của Nguyễn-văn-Ngọc.

Montesquieu, Rousseau, Kant, Goethe, Auguste Comte, Nietzsche, Einstein.

«Đền ấy — tác giả nói — sẽ đình kết sự hòa hợp của cả loài người, sẽ chứng thực cho người Đông phương và người Tây phương biết rằng lẽ phải duy nhất... Hai vị hiền triết ấy sẽ hóa ra hai vị phúc thần của nhân loại. Trẻ con học thuộc lòng những đoạn hay nhất trong sách «Luận ngữ» và trong quyển «Mémorables» của Socrate. Học như thế, chúng sẽ tránh được những điều ước vọng ngông cuồng và biết cách sống trong xã hội loài người, sống với kẻ đồng loại thế nào cho điều hòa êm ái.

Nếu một ngày kia cái mộng tưởng tốt đẹp ấy hóa thành sự thực, thì lúc bấy giờ Đông phương và Tây phương sẽ thật là hoàn toàn gặp nhau vậy.

VŨ BỘI LIÊU

XÃ-HỘI VIỆT-NAM TỪ THẾ-KỶ THỨ XVII

(Tiếp theo trang 21)

vải lụa cũng dùng như vậy, trước khi đem nhuộm, nhất là lụa. Chanh còn dùng để rửa vải lụa cho trắng ra và làm sạch các vết bẩn; ở Ấn-Độ người ta dùng chanh để chuội các vải bông cho thật trắng.

Tơ lụa sản xuất rất nhiều ở Đàng ngoài. Người Hòa-Lan, hề đâu có lợi cũng lần mò đến, mỗi năm đến đây buôn rất nhiều tải sang Nhật, khác với hồi trước họ phải sang tận Ba-tư, Bengale và Trung-Quốc. Bây giờ họ vẫn còn sang tất cả các nơi trên để buôn tơ lụa nhưng họ tải về Hòa-Lan.

... Đường ăn thì họ lấy ở mĩa; họ không biết lọc cho trắng; đem đóng thành bánh nửa cân, bữa nào họ cũng dùng nhiều vì tin rằng đường giúp, cho sự tiên hóa.

... Người Đàng ngoài biết giữ trứng gà và vịt lâu được hai, ba năm không hỏng; họ đem muối trứng; họ đem ngâm muối vào một cái chậu lớn; muối tan thì họ bỏ thử một quả trứng vào nước, nếu trứng chìm thì chưa đủ muối; khi nào trứng nổi thì nước muối mới vừa; họ đem ngào gio vào nước muối và khi nào gio với nước thành một chất vừa lỏng thì dùng chất ấy bọc quả trứng vào giữa rồi lấy lá bọc ra ngoài. Trứng muối như vậy để được hai ba năm.

Bên Ấn-Độ, đem xếp trứng vào những chiếc thùng gỗ ngoài sơn kín rồi đem đổ đầy dầu vào thì trứng cũng dễ được lâu. Trứng ngâm dầu hay muối mặn đem đi bẻ thì tiện lắm và được nhiều, nhưng trứng muối tiện hơn vì không cần đem muối theo và khi thổi cơm không cần tra thêm muối vào. Chỉ cần luộc trứng mặn cho chín rồi mỗi miếng cơm chỉ một tí trứng cũng đủ mặn. (Còn nữa)

THẮNG BƠ

(Tiếp theo trang 8)

Những ý nghĩ lo ngại vợ-vẫn đến óc tôi. Tôi tưởng tượng ra một cảnh nguy-khốn: bác Thung ở giữa vùng biển cả với một tấm bè mỏng-mảnh, một mình chống-chọi với cơn bão, táp. Những lớp sóng cao bằng mái nhà, đưa bác lên đỉnh rồi lại chìm bác xuống mười thước sâu. Mưa như trút nước; các bắp thịt của bác chùng lại, mắt bác hoa lên, một cái chảo đứt, một phần mẩu bằng.

Một ngọn sóng hất bác xuống biển. Rồi một ngọn nữa tiếp theo và bác Thung biến mất.

Muốn xua cái ảo-tưởng ấy, tôi ngồi dậy mà nhìn ra ngoài. Trời tối đen không trông thấy gì hết. Mưa vẫn rây-rút, liên-miễn, giọt ở mái gianh đều đều như găm nhăm lòng người.

Tiếng sóng vẫn ỹ-âm, rào rạt ở ngoài biển cả, và trên ngàn thông gió rít hu-hú từng hồi như kêu, như-réo, rồi lại hạ xuống một điệu trầm-trầm, rên-rỉ, như tiếng than-van âm-thầm của người cô-phụ.

Tôi thao-thức hoài vì những ý tưởng buồn-rầu ấy và thương hại thằng Bơ. Tôi chắc cả nhà nó đêm nay lo sợ lắm, và biết đâu bây giờ nó không đang khóc với bà và mẹ nó?

Vì thế nên hôm sau tôi hết sức ngạc-nhiên thấy nó đến nhà trọ vẫn tươi-tĩnh như thường. Mọi người hỏi tin thầy nó. Nó trả lời: « Chưa về! » với một giọng thản-nhiên, như việc ấy không có chi quan-trọng.

— Mày có lo không, Bơ?

— Việc chi mà lo?

— Thế nhờ thầy mày không về thì sao?

— Thầy tôi thế nào cũng về.

— Nói khoác! Bão to thế này mà bây giờ chưa thấy người, lại còn có về!

— Ghê sợ! Bão gấp mấy cũng chẳng làm gì. Thầy tôi sẽ về!

Cũng như tôi, ai nấy đều yên trí sẽ thấy thằng Bơ buồn-bã, ngầu-ngờ, nên vẽ hình-tĩnh bất-ngờ của nó hầu như làm mọi người phát-ý. Người ta cho rằng nó giả bộ cứng-cỏi chứ thực trong lòng thì phân-vân, khổ-sở, vì quen thuộc đã lâu, ai cũng biết nó yêu thầy hơn là mẹ nó. Nhưng tại sao nó cần giấu vậy? Vì tự-kiêu, nó không muốn để ai thấy sự thật trong lòng nó chăng? Xưa nay vẫn là đứa vô-tâm dựa vào tất cả mọi người, nó sợ nếu nay đổi khác, người ta sẽ riếu nó chăng? Hay là thực-tình nó tin ở tài thầy nó? Trông nó phờ nhâm trắng nhợt mà cười như mọi khi, tôi cũng nghi-ngờ là chính mình hôm qua đã bắt gặp nó chạy hốt-hoảng trên bãi cát.

Thành-thủ những người ở cái xã-hội nhàn-nhà họ thấy vậy cũng hình như bất-mãn, vì thái-độ thằng Bơ dù gặp biến-cổ cũng không thay đổi. Họ muốn nó khóc-lóc hay than-vãn như mọi đứa khác trong trường hợp ấy, để cho họ trạnh lòng thương và có dịp phô bày cái tình trắc-ân rộng-rãi của họ bằng những lời khuyên nhủ đầy kh' n-ngoan, lịch-duyet, mà họ có rất sẵn-sàng. Mồm thằng Bơ mỉm cười như ý không cần xin cái tình thương ấy làm cho họ khó chịu gần như thấy đồ hỗn-hào. Và mỗi từ-tâm không dùng đến cũng không còn thấy trong những câu đùa của họ.

— Ờ, Bơ này! Mày bảo thầy mày về, chắc là về cùng ông Hà-Bá chứ gì!

Mọi người cười ngất vì câu nói hóm-bỉnh của ông phán Thông. Nhưng bà Chi-Hòa vội chữa:

— Không phải đâu, ông phán ạ. Thầy nó về bụng cá đấy:

Và bà Lợi-Thành chen vào:

— Ở bụng cá thì tha-hồ chắc-chắn, có thể chấp gió bão nhỉ?

Lại một dịp cười ~~ph~~ làm thằng Bơ đỏ mặt cũ:

— Các ông các bà nói vậy chứ thầy tôi không chết được!

Nói xong nó bỏ chạy, để khỏi phải nghe thêm những lời riếu cợt.

... Bão cứ lay-dưa mãi. Sầm-Sơn chìm đắm trong mưa dầm. Lưng trời mây trời hoải, lạc lõng không biết về đâu. Gió vẫn uốn những cành cây nghiêng ngửa và sóng vẫn theo bọt trắng trên mặt bể sấm màu chì.

Cảnh-vật thật là tiêu-diệu, tẻ ngắt. Ngồi nhà trông ra ngoài chỉ thấy suốt ngày mưa phần bắt chéo trong khung cửa sổ, dầm-dề, lướt-mướt, như sẽ không bao giờ hết.

Ba hôm qua đi, nặng-nề, chán-nản, trong cái u-ám của trời đất ầu-sầu.

Và người ta vẫn không thấy tin gì về bố thằng Bơ.

Cùng với mặt trời, cái vui-vẻ đã trở lại bãi biển sau những ngày mưa. Chiều nhiều những tiếng nó cười lại âm-ý vang trên mặt sóng và những tấm thân thiếu-nữ yêu-kiêu lại đua nhau thi vẻ nõn-nà. Cuộc đời hời-hợt, phở-trương của những người gặp nhau một mùa, thân nhau một dạo, lại quẩn-quanh trong sự tở chuối bề ngoài, khoe màu lịch-sự, hay là tìm bới những chuyện riêng, những chuyện nhặt trên bãi cát mà người ta sang

tai nhau bằng một vẻ hiền đời, bí-mật, nhưng thực ra chẳng bí-mật với ai.

Bác Thung mới tích đã tám hôm rồi, không ai để tâm đến nữa. Ở nơi nghỉ mát, rgrời ta muốn thấy những việc mới lạ luôn luôn để làm đề câu chuyện cho những ngày dài nhàn rỗi. người ta cần biết ông họ mới tậu một ngôi biệt-hự,, bà kia vì sao năm nay không ra bề với chồng, và cô «tiền-thư» mới đến hôm qua là con cái nhà ai mà nói cười nhiều thế. Rồi cũng như vết chân in trên cát ướt để cho nước bề dâng lên mỗi ngày xóa mất hẳn đi, những việc, người ta nói đến hôm nay, ngày mai sẽ không còn ai để ý. Vậy ai hỏi đâu nhớ làm chi việc bố thắng Bơ, chỉ can-hệ cho đám dân chài lưới.

Vả lại, từ hôm ấy, thằng Bơ cũng ít bèn mảng sang nhà trọ. Một đôi khi người ta thấy nó chạy miết qua như có việc gì vội lắm. Thỉnh-thoảng bắt gặp, người ta hỏi, nó chỉ cười — nó vẫn cười! — va trả lời qua-quit rồi xong rồi lại lảng ngay. Hình như nó muốn tránh những người mà ngày thường nó thì đến gần. Chính tôi mấy bận đi tìm nó cũng đều không gặp.

Thế rồi một buổi tối Cả Khuê lên nói với mọi người rằng:

— Thừa các cụ, bố Thung, đến hôm nay là mười ngày mà không thấy về, thì chắc là chết rồi. Nhà hẳn nghèo lắm. Trừ vợ con, hẳn còn để lại một mẹ già mù, tình-cảnh thật là khổn-đốn. Nay vợ hẳn có ý muốn sang đây xin các cụ là người vẫn cho thằng Bơ lui tới hầu-hạ xưa nay, quyền cho mỗi người ít nhiều để chị ta lấy vốn buôn-bán, với lại cho thằng Bơ đi tập nghề cùng các bạn chài. Chị ta cũng vẫn biết các cụ rất sẵn hảo-tâm, nhưng chị ta sợ không dám ngỏ ý. Vậy nên chị ta nhờ nhà cháu lên thưa chuyện thế, nếu các cụ cho phép thì chị ta mới dám sang.

« Các cụ » thấy đều nín lặng sau những lời phân bày dài dòng của Cả Khuê. Ai cũng có vẻ nghĩ-ngợi để nhường người ngồi bên lên tiếng trước, hình như ngại một lời mời hờ sẽ buộc trách-nhiệm vào mình. Giây lâu ông phán Thông thấy cái im lặng kéo dài mới nhất định trả lời thay tất cả:

— Được, bác cứ xuống nhà. Việc ấy để đó rồi chúng tôi liệu sau.

Cả Khuê lui, mọi người lại nhìn nhau để dò ý tứ. Mới vài phút trước, họ bàn tán chuyện họ, chuyện kia, nói cười vui-vẻ, mà lúc này tự-nhiên họ im như thóc. Những nét mặt tươi chùng lại, những con mắt tỉnh-rảnh sụp xuống, tưởng chừng như mấy ời của Cả Khuê đã có phép nhiệm-màu làm ngừng đọng lưng chừng những khối hoạt-động kia. Một tư-tưởng chung hiện thành một hình-ảnh rõ rệt trong óc mọi người: tên! Người ta cảm thấy cái ấm-ach, kho chịu mà vấn-đề ấy gây nên.

Các bà như muốn thu hình lại, giữ túi cho chặt chẽ. Sau cùng, dường như không nhịn được, bà Chi-Hòa nói tung lên trước:

— Nhà Thung nó làm gì cho mình mà sang xin tiền?

Hiệu-lệnh đã phát Người ta có thể nói tự-nhiên, không e-ngại. Mấy miệng cùng đưa một lúc:

— Ừ nó làm gì cho mình?

— Vô-lý: chồng nó chết thì mặc nó chứ?

— Sao bọn chài lưới nó không cứu lẫn nhau mà lại đi quấy những người nghỉ mát?

— Cho chúng nó rồi sau thành lệ mất.

Ý chừng cho là mọi người đi hơi xa quá, ông phán Thông nhìn ngang bà phán mà nói rườ-rẻ:

— Nhưng Cả Khuê nó đã nói vậy mà chẳng lẽ không cho!

Bà phán lườm ông rất nhanh mà bề lại:

— Không cho thì ai bắt được mình? Ai ợn sâu nghĩa nặng gì nhà nó?

Bà Lợi-thành nhận rằng:

— Ra đều nó vẫn đề thằng Bơ sang đây cho mình sai bảo...

— Sai bảo: Thằng nhãi ấy thì sai bảo được việc gì!

Dù có việc gì mà thằng nhãi ấy đã làm cho ai, bây giờ cũng không ai nhớ nữa. Nó bần, nó hỗn nó dám nhăn-nhở cười với mọi người và lại hay nói chuyện leo. Ai bạn với nó? Cái giống con nhà bách-tính vẫn thế, hễ người ta dung túng là y như chúng nó nhờn!

Câu chuyện không ngờ gay-go kéo dài. Người ta bàn tán như tìm cách đề-phòng một tai nạn lớn. Rồi sau tất cả những lời khôn-ngoa, chỉ lý và danh-thếp ấy, người ta bảo nhau, khi nào mẹ đẻ Thung sang, sẽ chỉ cho mỗi người dăm xu là đủ.

— Thế thôi: Không có rồi nó thấy bỏ lại quen mùi tìm cách, đào mình lướt khác. Quan chúng nó nhiều lắm!

Bà Chi-Hòa kết-luận vậy, và mọi người đồng-ý với bà.

...

Suốt cuộc bàn cãi ấy, tôi chỉ giữ địa-vị một người dự-thính. Tôi không phát-biểu ý kiến gì và cũng không tìm lời chỉ biện-hộ cho thằng Bơ, vì tôi biết trước là vô-ích. Tôi đã rõ cái sức cương-quyết lạ-lùng vững chãi cũng như người họ, mà những ông bà oai-vệ kia có sẵn trong lòng để tin rằng lẽ phải của mình chắc như đinh đóng cột, cho nên tôi không muốn phí công làm việc ấy. Vả lại về quan trọng sống-sốt của họ và sự chân-thật mà họ đem ra bóc trần lòng mình như tấm bánh, không dè giữ không ngượng-ngùng, có một cái chi cảm-động mà nức cười khiến tôi khoái-ý. Thật ít khi người ta tự-nhiên đến thế! Tôi không có lẽ gì đáng hân-học, khó chịu hơn là dễ-dãi, thân-nhiên. Ở địa-vị

bằng-quan mà ngắm những nhân-vật đó, tôi thấy vui thích như nhà nhiếp-ảnh bỗng gặp ở giữa đường một cảnh linh-hoạt, giàu ý nghĩa, đáng ghi lên phiến kính nhiệm-màu. Đó là cái vui của nghệ sĩ, một cái vui nhẹ-nhàng, hoàn-toàn thuộc về thẩm-mỹ. Tay nó có phần ích-kỷ, song tôi tưởng ở trường-hợp này nó cũng không làm hại chi đến cảm-tính của tôi đối với thằng Bơ.

Sáng hôm sau, tôi sang nhà bác Thung hỏi thăm rất sớm. Đi qua cái sân đất nhỏ rất quen mà ở đấy hai con chó vện gầy còm, nằm yên dưới gốc cau, về buồn-ầu, lơ-đững, chỉ khẽ ve vầy đuổi dề tỏ ý mừng, trái với mọi lần mà chúng chạy sồ ra đón và quẩn lấy chân tôi, tôi khẽ lách bức màn rách tả-tơi và bước vào căn nhà lụp-xụp, tối om. Tôi chỉ thấy bà lão mù, mẹ bác Thung, ngồi co-ro ở một góc cái giường nan sộc-sệch. Tôi hiểu ngay là mọi người đi vắng cả, ai theo việc nấy như thường, để một mình bà ở lại coi nhà. Về trông-trái, nghèo-nàn trong căn nhà lá vẫn như mọi ngày bà lão vẫn im-lìm, khô-héo như cái thầy ma, ngồi đó để làm chứng cho thời-gian và tang-thương biến cải. Nếu không biết trước, tôi sẽ không thể nào ngờ rằng tai-biến đã lên qua đây. Nhưng trong sự lặng lẽ ngày thường, vì đâu mà bỗng dưng tôi cảm thấy một cái chi lạnh-lùng, u-uất, như cái rừng-rợn chạy lướt trên da khi ta bước vào một nơi cấm-địa?

Tôi lên tiếng hỏi thằng Bơ đi đâu và có cảm-giác như lời mình bị rơi vào quầng không, bật hết tiếng vang. Một tiếng nói run-run, thều-thào và chập-chật, như văng lên từ một cõi mơ-hồ, xa-xôi nào, khẽ trả lời tôi:

— Thay ký đấy ư? (Bà lão vẫn gọi tôi như thế) Thằng Thung nó chết rồi, thầy ơi; Nó chết để cho tôi sống làm chi, hả thầy? Ồi Thung ơi: con cướp công sinh-thành của mẹ, con ơi! ...

Tiếp liền theo là những tiếng hị hị, mà tôi ngạc nhiên tưởng là tiếng cười, vì nhìn đôi mắt kìm-nhèm của bà lão tôi vẫn thấy ráo hoảnh như không. Người mẹ già khốn nạn đó còn lợc đâu được ra nước mắt?

Cảnh-tượng một cuộc đời tàn, tiếc thương một cuộc đời đang tươi tốt, ở trong cái khung-cảnh sâu-não âm-thầm ấy, làm cho tôi bứt rứt, bấn-khuẩn, tựa hồ như chính mình phải chịu một phần trách-nhiệm vào đó. Tôi liệu chừng không thể biết gì hơn ở bà lão, bèn cố nói vài câu an-ủi rồi lại lách mình ra khỏi căn nhà đen tối để đi tìm thằng Bơ.

Tôi gặp nó ở cuối Rừng Thông, chỗ cửa nhánh của con sông Mã. Từ xa, tôi nhận thấy nó ngồi trên một cây thông bị đổ, nằm thẳng đườn trên mặt đất như một cái xiên chả lớn. Hình nó in bật lên cát vàng trong ánh nắng của sáng mai, như một bức tượng đồng đen. Quay lưng về phía tôi, nó

ngồi chống tay lên thân cây trong một dáng thừa nhân, tư-lự. Về lặng-lẽ, trầm-ngâm ấy khiến tôi ngạc-nhiên cũng như cái tươi tươi-tinh của nó hôm nọ, sau đêm bão đầu tiên. Tôi đứng lại ngắm nó. Nó yên trí chỉ có một mình, thần-thờ nhìn ra bề rộng.

Bề rộng mênh-mông. Nước xanh như rượu và trời xanh như vẽ. Vài đám mây ửng nắng như những mảnh nhiều hồng, soi mình trên nước lặng. Xa xa những cánh buồm nâu cắt quầng chân trời như những con bướm đậu im trên mặt biển. Cảnh đẹp một cách hỗn-hào, say đắm, như cố ý điềm-tỏ để làm ngây-ngất lòng người. Trông về xinh tươi hiên lảnh đó, ai dám ngờ mới vài hôm trước nước kia đã nổi cồn sóng mạnh và trở lại đã trút gió, tuôn mưa, bày ra cuộc hỗn-mang?

Thằng Bơ vẫn ngồi im, không cử động. Những ý-tưởng gì đang xoay vần trong óc nó? Không ai biết được, chỉ trừ có gió với mây. Tôi khẽ bước đến gần, đặt một bàn tay lên vai nó. Nó giật mình quay lại và vội mỉm cười, như xấu hổ vì bị bắt gặp trông khi bất-ý. Rồi nó nói lên chuyện này đến chuyện nọ như đề ngẫu những câu tôi sắp hỏi mà nó đoán biết. Nhưng tôi đã có định-ý. Tôi bắt đầu:

— Mấy hôm nay mày đi đâu mà không sang nhà trọ?

— Tôi đi chơi.

— Vậy bây giờ mày ra đây làm gì?

— Ra chơi. Tôi ngồi ngắm bề. Cậu không đi tắm hồ à? Cậu có lên núi chơi không?

Không trả lời nó, tôi thông thả nói:

— Bơ ạ, tao đi tìm mày vì tao muốn cho mày cái này.

Thằng Bơ ngừng mặt lên, yên lặng đợi. Tôi rút trong túi ra hai tờ giấy bạc đã gấp sẵn từ trước và đặt vào lòng bàn tay nó. Nó mở ra xem liền, nghĩ-ngợi một giây rồi ngược mặt lên nhìn thẳng tôi mà nói:

— Tôi biết rồi.

— Mày biết gì?

— Tôi biết vì sao cậu cho tôi tiền.

Trước đôi mắt của nó long lanh một ánh sáng hồn-nhiên, tôi bỗng ngượng-ngùng, như vừa chột lờ một cử-chỉ rất là thô-bạo. Tôi muốn tìm một câu bào-chữa, nhưng thằng Bơ nói luôn:

Không, tôi già ơn cậu, nhưng tôi không lấy.

Nó nhét trả hai tờ giấy bạc vào tay tôi và, sợ tôi giận, nó nhoen miệng cười:

— Cậu từ-lẽ lắm. Nhưng ai lại lấy tiền của cậu bao giờ!

Rồi không để cho tôi lường trước, nó vụt cầm đầu ú té chạy. Tôi gọi nó:

— Này Bơ; Hãy đứng lại cho tao bảo đã;

Nhưng thằng Bơ chỉ ngảnh mặt cười và nói vọng lại:

— Không. Thầy tôi đã chết đau mà cậu cho tiền?
Rồi nó chạy biến vào giữa Rừng Thông.

...

Thầy thắng Bơ không chết thật. Tôi biết tin ấy chiều hôm sau, lúc đi tắm. Tôi chạy vội lại nhà nó và nghe nói bác Thung đã ra bãi cát. Tôi ra đấy và thấy bác ta đang đứng tựa vào một cái thuyền để cạn, phanh áo cộc nâu hồng mát và hút một điếu thuốc lá to sấu.

Người bác lùn những bắp thịt rắn chắc và rám nắng như da sanh. Nét mặt gân-guốc vì những vằn mạch mau nổi chằng trên trán, có một vẻ thần nhiên gân như lạnh-lùng, bướng-bỉnh, mà may được bộ râu mép đen làm giảm bớt đi, để cho ta thay sự dễ dãi, và chân thật.

Đáp lại những câu hỏi vội-vàng của tôi, bác chỉ trả lời rất ung-dung, thông-thả. Hôm ấy bác ra khơi xa hơn mọi lần. Khi xem trời biết cơn giông sắp tới, bác đã cho mảng quay về, nhưng không kịp. Bao sắp đến, làm gãy cột buồm và đánh vỡ mảng. Bác bắm chặt lấy một mảnh còn lại, mặc cho sóng trôi đi. Lênh đênh trên mặt nước hai hôm, bác bị dạt vào bãi Lạc-Quần và được bạn chài ở đấy cứu vớt, khi bác trở lại mạnh-mẽ như thường, họ cho bác lương-thực để đi theo ven biển mà về. Vì thế nên mỗi hôm nay bác mới tới nhà.

Bấy nhiêu việc, bác Thung kể lại bằng rất ít lời với một giọng bình-tĩnh, giản-dị. Không có một chút gì tỏ rằng bác đã hốt-hoảng, lo-sợ. Tôi có cảm tưởng như nghe bác thuật một cuộc đi chơi, mà bác không còn để tâm đến nữa,

— Vậy bây giờ bác định thế nào?

— Định thế nào? nghỉ vài bữa rồi tôi lại đi nghề chur không thì thầy bảo tôi làm gì?

— Nhưng mảng của bác đã vỡ?

— Tôi đi mảng của bạn. Rồi ít lâu lại đóng cái khác.

Nói xong bác Thung nẩy một tấm ván thuyền, lôi ở đấy ra một chai rượu trắng, mà bác đề đó không biết từ bao giờ. Rồi chào tôi, bác xách chai lững-thững đi về Rừng Thông...

Khi tôi trở lại nhà trọ, cái tin bố Thung đã về cũng vừa lan tới đấy. Một tin mừng, lẽ tất nhiên nhưng tôi không dám chắc mọi người đã nhận nó với cùng một loại cảm-tưởng như tôi. Đó là một tấn đảo-cục bất-ngờ, làm cho người ta hồi-hộp. Nhưng sau cái sồn-sao lúc đầu, người ta nghĩ ngay đến một sự thiết thực hơn: thầy thắng Bơ không chết thì việc quyền tiền không phải bàn tới nữa. Từ hôm Cả khuê lên noi chuyện, mọi người hình như vẫn chờ mẹ đẻ Thung sang. Mặc dầu ai nấy đã có ý định và tuy việc ấy chỉ là nhỏ-nhặt, nhưng nó cũng làm người ta quan tâm như một sự

ngãng trở trong cuộc đời bình-tĩnh hàng ngày. Người ta thấy như lúc phải đợi ở ngoài phòng bác-sĩ, để tiêm một ống thuốc trừ dịch, « cho nó xong đi »! Vì thế nên người ta hoan nghênh việc mới xảy ra, vì nó đem trả lại trật-tự cũ, để cho mọi sự lại yên-ôn, đâu hoàn nguyên đấy, không hại đến ai.

Ái nấy nghĩ trong lòng như vậy, nhưng không nói ra lời. Hình như người ta bỗng có một chút sợ-sùng, để khỏi nhắc đến cuộc bàn cãi hôm nọ và những ý nghĩ riết-róng đã chót phô ra, mà bây giờ không cần thi-hành nữa.

Duy chỉ có bà Lợi-Thanh nói một câu ngắn-ngủi:

— Thôi thế cũng phúc cho nhà nó!

Tối hôm ấy, Thắng Bơ lại lộ mặt sang nhà trọ. Nó lại phô hàm răng trắng nhớn cười với mọi người, và không ai thấy nó là đáng ghét.

Người ta lại sẵn lòng nói với nó một câu thân-mật. Nó lại được đến gần ông phán Thông, bà Chi-Hòa, bà Lợi-Thanh, cô Quý, tất cả mọi người, mà không ai bắt bẻ.

Ông phán Thông, tay vẽ một điếu thuốc lão, lại gọi nó với một giọng khoan-dung cao cả:

— Bơ! Bưng cho tao cái điếu!

HƯỚNG-MINH
(Juillet 1940)



ĐÃ CÓ BẢN:

HƯƠNG XA

Tập đoàn thiên có giá trị của 14 văn hào khắp các nước Đông, Tây.

do các văn sĩ quen biết trong Đời Nay dịch

LOẠI GIÓ BỐN PHƯƠNG

Giá: 2\$50

ĐƯƠNG IN:

ANNA KARÉNINE (loại gió bốn phương)
của L. TOLSTOÏ

ĐƯA CON

Tiểu thuyết của ĐỒ ĐỨC THU

MÂY

Thơ của VŨ HOÀNG CHƯƠNG

SẮP IN:

THANH ĐỨC (tức Tội lỗi)

Tiểu thuyết của KHÁI HUNG

BẠN ĐỌC VIẾT:

SỐNG ĐÃ... RỒI VIẾT VĂN

TRẦN MAI NINH

NÓI chuyện viết văn cùng nhiều người, thường ta được nghe họ bảo :

Ờ, viết văn ! Viết văn hay lắm nhĩ. Tôi cũng nhiều khi muốn viết thử. Nhưng động đến bút, là chịu không làm gì được. Chịu không biết viết cái gì . . . Ờ, sao những nhà văn họ tài thế nhĩ . . .

Dường như văn-chương là một trái cấm, chỉ có một giống nhà văn mới dùng được mà thôi. Nơi miền chính-trị, ta đã nghe những lời nhồi-sọ : dân-tộc này là dân-tộc chọn-lọc, được đề-cử, dân-tộc kia bị gạt xuống bậc nô-tỳ, là dân-tộc cần được chỉ-huy và đồ-hộ. Đây là thái-dương, đó là địa-quỷ. Đây là những bậc siêu-nhân có quyền thống-trị ; đó là sâu kiến chỉ đợi một bàn chân chà-xát cho tan . . .

Cái ý-tưởng chia-rẽ nhân-loại ấy, được đem dùng vào đủ các ngành sinh-hoạt. Và trên đất văn-chương cũng nhuốm nhiều bùn đất đó, và có những kẻ bai-bãi luận về thiên-tài...

A, anh ! anh thân-yêu của tôi, anh bảo rằng anh yêu văn-chương, rằng anh đã từng muốn viết, nhưng anh chẳng biết viết cái gì.

Ta hãy khoan nói đến viết-lách. Tôi thử hỏi anh đã có lần nhìn kỹ một vật nào, một người nào, một cảnh nào chưa ? Anh trả lời đi đã, rồi ta sẽ luận văn-chương.

Ừ, tôi hỏi thế đấy mà, tôi hỏi anh đã có sáng hệ nào lằng-lặng trên bao-lơn, anh dò theo từng bước biến-chuyển của màu sắc nơi phương đông ? đã có sáng hệ nào, anh nhìn say những con nhặng lơ-lửng giữa trời, bất-động ? hay những con chích-chòe, nhún đuôi, nghiêng đầu, rồi nhún luôn cả giọng đồ trần-lau giữa một trời trinh-tiết ?

Anh có từng thờ theo cánh bướm, và uống lấy tinh hoa ?

Anh có từng nhìn theo chuyến tàu, bỏ như con sâu róm giữa bát-ngát đồng xanh ?

Anh có từng ngắm một người loem-ngoem dần mờ, đương phồng tay, phồng ngực, bơm cho

phồng một chiếc bánh ô-tô ?

Đã nghe chưa anh ? nhiều tiếng lạ bên tai, chan-hòa trong không khí, này tiếng chim sẽ tranh nhau ngàn-ngàn, ngàn dài ; này có tiếng đàn của một hồn nào như gió, hay là chờ-dợi phấn hương, này có tiếng xe bò lăn lộc-cộc trên đường, bỗng chết dưới một câu hát nặng-nặng và đắm mủ hời :

*Chàng về để võng ai nằm
Đề con ai ấp, đề làm ai nuôi ?*

Anh đã nhìn chưa ?

Anh đã nghe chưa ?

Tôi chưa nói chi đến sự nh-hoạt của người và sự trừ-phú của đời.

Người là cả một đại dương.

Đời là cả ngàn vũ-trụ.

Đó là những địa hạt mà chung ta thám hiểm không bao giờ hết. Nhân-loại cứ sống thêm một ngày, bước thêm một quãng nhỏ thời gian, là đã thêm phần tinh-vi, tế-nhĩ. Nhân-loại luôn-luôn mới, theo những điều nó đã phát-minh. Nhân-loại luôn-luôn cao, theo những tầng thịnh-thống mà nó trườn lên tham-hiềm. Nhân-loại luôn-luôn sâu, theo những miền đại-dương mà nó ngập lặn, soi móc. Nhân-loại càng ngày càng thêm mãnh liệt, nó tương đương với những sức nguyên-tử mà nó biến-dị, mà nó vận-chuyển, mà nó nắm gọn trong tay.

Xin anh chớ sợ đời nghèo ; chỉ sợ anh chẳng giàu nghị-lực để bước vào Đời, học cho siêng năng, cần-mẫn.

Xin anh chớ sợ Đời tầm-thường ; chỉ nên sợ anh không siêu phàm dám chu-du khắp các nguồn sống nước.

Xin anh chớ sợ Đời chật-hẹp ; chỉ nên sợ anh không phóng khoáng kết tinh-duyên với nghìn khuôn-khổ cuộc-đời.

Anh ạ, có những người đã sống, và rồi đeo mặt bi-quan, mĩa-mại cuộc-đời, và cháy hết cả lòng tin-tưởng, còn lại chỉ một mũi trơ nơi miệng. C^o

một lý rất thường nơi đó. Là họ chỉ mới sống một nửa mà thôi: tình đời to, mà lòng họ nhỏ; men đời nồng, mà hồn họ mau say; ánh sang quá chói-lòa, cho nên họ mau nhắm mắt và trở lại âm-u.

Có phải không anh? dễ hiểu lắm, chúng ta chỉ là những tế-bào nhỏ chút xíu, mà Đời là cả một thân-thể vô-biên. Sao ta khờ-khạo, ta, một tế-bào quá chừng bé-bỏ, lại chống-nạnh, bĩu-môi mà gắng mĩa cuộc đời:

— Ô, mày bé quá! mày chật quá! hồn tao ở nơi đây không vừa.

Cái thái-độ « cao-cả », « xuất trần », « ngoại-vật » ấy, nó chẳng có gì là khó, nó chẳng có gì là vinh. Sự kiêu-ngạo (ý hạ giá-quá, rẻ quá, bởi vì chẳng cần-cư vào chút nào thành-tích. Hơn nữa, ta nên nhìn nó như lòng hèn-nhát, bạc-nhược, trốn hành-động và thiếu công-trình. Các cái ông cụ của Nguyễn-Tuân là như thế đấy, vang bóng thời xưa nếu chỉ điem ra c^ũ thể, thì đã làm ô-uế quá-khư ông-cha ta. Và Ba-di, Thúc-tề, cũng hiểu mình lắm lắm, thì mới chén độc một thứ rau sam. Nghe chừng họ không ăn hơn thế được!

Cụ Nguyễn-công-Trứ, lúc còn dinh-diên ở Kim-sơn hay Tiên-hải, đâu có hạ những lời tiêu-cực:

... Song bất-nhân mà lại chí-nhân

Hạn lâu tuổi dễ mà chơi tấu.

Cuộc hành-lạc bao nhiêu là lỗi đấy;

Nếu không chơi thả v^ũ ấy ai bù?

Và lúc cầm quân ở miền Lục-lĩnh, cụ đậu có tướng lúc già phải tự an-ủi bằng những câu len mặt hào:

Giời đất cho ta một cái tài

Giắt lưng dành để tháng ngày chơi ...

Đời Cao-ba-Quát đã hiên-ngang, quật-cường hơn ngày-tháng của Cao-bá-Nhạ; cho nên lịch-sử, ở bên lời ông Nhạ:

Góp tram mỗi đem làm tâm-sự,

Tình trăm hoa đầy cả gió xương;

Chập-chờn say lĩnh giữa đường

Hoa kia có biết đoạn-trường này chẳng?

Nỗi ly-hận nói-nặng sao xiết,

Tình tương-tư nào biết bao nhiêu.

Tình xem ly-biệt ít nhiều;

Thương cho mai cúc nặng điều tương-tư.

ở bên lời ông Nhạ:

Gửi tình trọng thay lời thương nhớ,

Cây đông-âm lo đỡ ít nhiều,

Có khi lau chuốt đàn bầu

Khi tựa phôi sách, khi chiều tưới cây ...

còn nữa, ở bên lời ông Nhạ:

Nhờ tạo hóa rộng đường phúc-trạch

Giang thiên-la vết sạch hung-ngoan;

Một phen cười với thế-gian,

Rời ra tùy ngộ nh^ĩ an xin dành ...

lịch-sử ghi những lời mạnh-mẽ của Cao-bá-Quát:

Ai bằng quan sử Yên-dại,

Giang-sơn nghìn vạn dặm dài ruổi-giang

Khi về chưa đựng đầy lòng,

Đời nam-nhi, ấy mới không uổng mà.

Nhai vẫn nhá chữ buồn ta,

Cong giun còn biết đâu là cao sáu.

Tàn-gia từ vượt con tàu,

Mới hay vũ-trụ một màu bao-la.

Giết mình khi ở xó nhà,

Văn-chương chữ nghĩa khéo là trò chơi ... (1)

Chúng ta, cả thể-phách và tinh-thần chúng ta chỉ là một, còn Vũ-trụ và Nhân-loại là cả ngàn, cả triệu. Quyền-phép nào đây, hỡi những người tự-ái, cho ta coi-thường cả những điều trước mắt, giam mình ở trong miền chủ-quán chật-hẹp, hút mãi chút nhựa riêng-tây nó mau cạn lắm, nếu không được thực-phẩm ở ngoài trời bờ-dưỡng?

Một hình-ảnh đúng của người-xưa truyền lại, là con ếch ngồi nơi đáy giếng. Mắt nó nhìn chỉ thấy một vòng trời, một mảng trời xanh lơ-mờ, quạnh-quẽ và vắng-lặng; gì mà nó chẳng lầm tưởng thân mình là độc-nhất sinh-vật?

Trái lại, nếu chúng ta không ngằn-ngại lẫn-mình-vào giữa lòng Thiên-nhiên, giữa rừng Nhân-loại, thì ngay lập tức, chúng ta thấy cây-cỏ là ngàn thế-giới, chim bướm là ngàn thanh-âm và màu sắc, và Nhân-quần là những nguồn bắt từ vô tận, và chảy đến vô-cùng...

Xông-xáo vào giữa lục-phủ ngũ-tạng của cuộc đời; ồn-dập theo ngàn vạn lớp sóng của đời; machiết vào tầng-đá-mài vô-tận, vô-biên của đời, chúng ta sẽ hiểu sâu-sắc cõi lòng ta, và cõi lòng động-loại. Sẽ nhận thâm-trầm những huấn-từ-linh-hoạt và cao-cả của đời. Sẽ hiến đền cuối cùng tuổi máu, căng đến cuối-cùng gân-cốt, và dụng đến cuối-cùng những năng-lực tốt-đẹp của chúng ta.

Bấy giờ, bấy giờ ta xóa đi những lời Nguyễn-công-Trứ:

Giời đất cho ta một cái tài

Giắt lưng dành để tháng ngày chơi ...

để thay-thế bằng những điệu tiểu-quân hùng-vĩ của nhà thơ Tổ-Hữu:

Chở tôi hưởng tình-thần hàng chiến-dấu,

Cho da tôi dầy-dặn đến ngày mai,

Cho tôi hiến đến cuối-cùng tuổi máu,

Hề nhuộm màu bao cảnh xam bi-ất ...

Học, học ở sách, cũng lợi lắm chớ. Sách là công-trình của Người sống trong Đời. Nơi đó, ít ra, ta cũng lật được đôi chút vang-bóng của Đời, đôi chút kinh-nghiệm của Người. Những ai hùa theo Tàn-thủy-hoàng mà đốt sách, hùa theo André Gide

(1) Nguyễn-văn chữ hán, ông Trú-Khê Ngô-văn-Triệu dịch ra quốc-văn kém đi nhiều lắm, tôi tạm đề vào đây, chớ bản dịch khác có giá-trị hơn.

VIỆC QUỐC TẾ:

Mặt trận Nga trở nên hoạt-động vô cùng, từ Bắc chí Nam. Có tới 7 triệu quân của đôi bên giáp chiến và một số vô kể chiến xa và đại bác cực mạnh. Staline ra lệnh cho quân Nga liều chết trọc thủng phòng tuyến Đức ở khắp nơi.

Ở phía Bắc, Hồng quân đột nhiên tấn công dữ dội vào thành Leningrad và khu Nam hồ Ledoga, nhưng chưa có kết quả gì quan trọng.

Từ khu trung ương tới khu Kouban, trên một chiến tuyến dài hơn nghìn cây số cuộc tấn công của Nga cũng cực kỳ khùng khiếp. Dọc theo sông Donetz từ Kharkov tới Rostov xuống tận Krymskaya (Kouban) không có kết quả gì rõ rệt. Nhưng từ Orel xuống tới Bielgorod mặt trận gay go hơn cả: quân Đức sau khi thắng lợi được ít nhiều ở Bielgorod bỗng phải quay sang thế thủ vì Hồng quân tấn công mạnh vào Orel để chia lực lượng của bên địch; ở đây quân Nga bỏ vây từ phía và tiến đến sát thành Orel, trong khi đó cách chừng 50 cây số về phía Bắc, Nga chiếm được mấy thành Mtsensk, Bolkhov và tiến đến đường xe lửa Briansk — Orel.

mà vút sách đi, đó là những người rồ-dại, sai-lầm. Họ đã đốt hoặc vút một ít máu-thịt của nhân-quần, họ đã coi thường công-trình của người khác, họ đã tỏ ra thiếu nhiều ý-niệm về văn-hóa.

Cố-nhiên chúng ta là người lành-mạnh và có ý-thức, chúng ta không hò-la nhảm-nhĩ, và quay-cuồng tức cười đến như vậy.

Nhưng nên luôn-luôn nhớ rằng: sách chỉ là pháp-lợi-khí giúp cho sự cấu-tạo chúng ta. Còn một phần khác, quan-hệ hơn, đầy-đặc hơn, trù-phú hơn, là sự sinh-hoạt, là cuộc đấu-tranh trước mắt, nó bao-gồm trong một chữ rộng bao la là cuộc Đời.

Một nhà văn, trước hết, phải là một người hành-động. Muốn đặt nổi ngòi bút, xin bạn lòng hãy đặt tâm-hồn đi giữa cuộc đời náo-nhiệt và huấn-uyện hơn cái gì hết.

Rời Thiên-nhiên, lìa Nhân-loại, xa-bỏ cuộc đời, thì sức sáng-tác của nhà văn phải chết như Antée rời mặt đất, đất liền-mẫu, đất bồi-dưỡng, đất phân-phối ngàn độ sinh-lực và tinh-thần.

Một nhà văn, vì muốn sáng-tác cho thực có giá-trị trong suốt cả một đời, điều quan-hệ nhất, là suốt cả một đời, nhà văn ấy phải học, học ở nơi trang sách của đồng-loại, và nhất là học ngay bằng máu-thịt của mình tung ra giữa trời hoạt-động, trong một sự Sống ngang-tàng, chăm-chỉ, không dừng một phút.

TRẦN MAI NINH

Bỗng ngày 20 juillet, ở cực Bắc Na Uy, có tin Hồng quân đổ bộ vào Vardoe; tuy cuộc đổ bộ thất bại nhưng cũng tỏ rằng lực lượng của Nga còn mạnh và có thừa ở trên đất của mình. Người ta lại bàn đến cả mưu của Nga định xâm lăng cả Âu châu làm Anh Mỹ phải giật mình.

Mặt trận Địa trung Hải có sự thay đổi quan trọng. Cuộc đổ bộ xuống đảo Sicile vẫn tiếp tục. Quân Anh Mỹ và Gia nã Đại, hơn 10 vạn, bắt đầu đổ bộ xuống một đưng duyên hải tự Tây Nam (Licata) cheo xuống tới Đông Nam (mỏm Passero) rồi đồng thời tiến lên phía Bắc. Hữu lực là lộ quân Anh thứ 8 của Montgomery, theo ven bờ phía Đông tiến lên chiếm Syracuse, Augusta và thẳng tới hải cảng Catane; nhưng đến đây phải ngưng lại vì thành rất hiểm trở và sức kháng chiến của trục rất mạnh. Trong khi đó quân Gia nã Đại ở giữa và quân Mỹ của tướng Patton ở tả lực cũng tiến lên trung tâm đảo, chiếm Raguse, Caltanissetta rồi đánh tràn sang bờ bờ phía Tây Bắc chiếm Marsala, Trapani và Palerme thủ đô của đảo Sicile (24 juillet). Thế là hai phần ba đảo bị chiếm, quân Trục rút lui về phía Đông Bắc. vùng này hiểm trở nhất trên đảo với hòa diêm sơn Etna cao hơn 3000 thước.

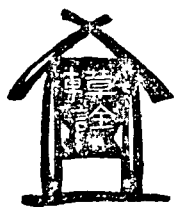
Cuộc xâm lăng đảo Sicile xảy ra được ít lâu thì có cuộc hội kiến quan trọng giữa thủ tướng Mussolini và quốc trưởng Hitler tại Bắc Ý. Giữa khi hai nhà lãnh tụ gặp nhau thì xảy ra cuộc ném bom lần thứ nhất xuống kinh thành Rome (19 juillet) do phi cơ Mỹ gây nên, có rất nhiều người chết và bị thương, cả một nhà thờ bị tàn phá. Rồi tiếp tục Rome lại bị ném bom tới ba lần.

Chợt ngày 25 juillet, một ngày sau khi Palerme thất thủ, một tin làm chấn động dự luận hoàn cầu, thủ tướng Mussolini từ chức. Ý hoàng Victor Emmanuel đã nhậm lời từ chức và cử thống chế Badoglio ra làm thủ tướng để theo đuổi cuộc kháng chiến. Đảng Phát-xít bị giải tán. Để đề phòng một cuộc nội biến có thể xảy ra, thống chế Badoglio đã lập tức hạ lệnh giới nghiêm dân gian và thiết quân luật tại khắp đất Ý. Người ta đang chờ đợi một sự thay đổi lớn về thời cục.

Viết ngày 28 juillet 1943.

ĐỖ ĐỨC DỤC

Ngày 7 Aout 1943:
Bạn Nguyễn Xuân Đào trong
ty trị sự báo Thanh-Nghị sẽ vào
Nam và sẽ có dịp trực-liếp với
các đại-lý ở Pnom-Penh, Saigon,
Huế v. v.



"TỦ SÁCH TÂN VĂN HÓA"

do nhà

Hàn-Thuyên phát hành

71, Tien-Tsin, HANOI

MỠI CỐ BẢN:

2\$20

NGUỒN GỐC VĂN MINH

Quyển II trong bộ « NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ »
của NGUYỄN BÁCH KHOA

ĐÃ XUẤT BẢN:

NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ 1\$80

NGUYỄN BÁCH KHOA

GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI 1,80

NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

ỐC KHOA HỌC 2,20

P. N. KHUÊ

ĐỜI SỐNG THÁI CỎ 2,20

NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

Ở xa mua 1 cuốn xin trả tiền trước thêm 0\$40
cước. Không lệ bán lĩnh hóa giao ngân.

SÁCH GIÁ TRỊ

PHẬT GIÁO TRIẾT HỌC

của PHAN-VĂN-HÙM Giá 2\$80

TRIẾT HỌC EINSTEIN

của NGUYỄN-ĐÌNH-THI Giá 2\$30

THI HẢO TAGORE

của NGUYỄN-VĂN-HAI Giá 4\$80

LUẬN TÙNG

"Tủ sách TÂN-VIỆT" Giá 1\$50

Nhà xuất bản **TÂN-VIỆT**

29, Lamblot -- HANOI

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó

sẽ thành sự thực nếu các

ngài bỏ 1\$ 00 mua

VÉ SỔ SỞ ĐÔNG-DƯƠNG

BÁO THANH-NGHỊ

**THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG
CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ-THUẬT CHÂN
CHÍNH — PHỔ THÔNG MÀ KHÔNG LÀM GIẢM GIÁ.**

Trong số 16 Août 1943

- Chữ « Lễ »
- Người Tây phương hiểu người Đông phương
- Kỷ luật trong sự giáo dục, thưởng và phạt
- Những biến trạng mới của nền tư bản kỹ-nghệ
- Cuộc cách-mệnh Tân-Hội và hiến pháp hiện hành
- Tổ-chức hiện-thời của nền kinh-tế Đông-Dương
- Danh-văn ngoại-quốc
- Xã hội Việt Nam từ thế kỷ thứ 17
- Hai tấm vé số (tiếp theo) ,
- Vấn-đề diễn-hình trong văn-học

HOÀNG ĐẠO THÚY

ĐÌNH GIA TRINH

PHẠM LỢI

VŨ VĂN HIỀN

PHAN ANH

ĐỖ ĐỨC DỤC

LÊ HUY VĂN

NGUYỄN TRỌNG PHẤN

NGUYỄN TUÂN

ĐỖNG THÁI MAI

Autorisé par arrêté du Gouverneur général du 1^{er} Mai 1939 N° 3089

Directeur gérant : **VŨ ĐÌNH HÒE** — Fondateur : **ĐOÀN KẾ THIÊN** — Imprimeur : **TRUNG RÁP**